

SỨ PHẠM GIÁO LÝ

HƯỚNG DẪN GIÁO LÝ VIÊN

LỜI NGỎ

*“Không biết Kinh Thánh là không biết Chúa Kitô”
(Th. Giêrônimô).*

Giáo lý chính là trình bày Lời Thiên Chúa một cách cụ thể, sống động... mà Chúa Kitô là trung tâm của Kinh Thánh. Chính vì đáp ứng nhu cầu học giáo lý của giáo phận trong năm sống Lời Chúa này, và những năm tiếp theo. Ban giáo lý giáo phận đã soạn thảo tài liệu *Sứ Phạm Giáo Lý* dùng cho việc đào tạo giáo lý viên trong một tháng.

Tập tài liệu này không có tham vọng trình bày tất cả mọi điều trong khoa *sứ phạm giáo lý*, mà chỉ nêu lên những điều căn bản, thiết thực nhất cho chương trình huấn luyện ngắn hạn, với mong muốn giúp cho những người huấn luyện và các giáo lý viên có cơ sở để tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện một cách hiệu quả nhất.

Tài liệu này chia làm ba phần:

Phần I: Những nguyên tắc căn bản

Phần II: Phương pháp sư phạm

Phần III: Phụ lục

Xin chân thành cảm ơn cá nhân, tập thể tác giả mà chúng tôi đã sử dụng trong tập tài liệu này. Rất mong được sự đóng góp nhiệt tình của tất cả mọi người có tâm huyết với việc huấn giáo, để tài liệu này ngày càng được phong phú và hoàn thiện hơn.

Ban Giáo lý giáo phận

PHẦN I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN

BÀI 1: THẾ NÀO LÀ GIÁO LÝ ?

I. ĐỊNH NGHĨA GIÁO LÝ

Giáo lý là trình bày lời Thiên Chúa một cách đơn giản, cụ thể, sống động để giúp con người đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa, gặp gỡ Ngài, có kinh nghiệm về Ngài, tin yêu Ngài và làm chứng cho niềm tin đó.

Xét về nội dung, giáo lý trình bày Tin mừng theo nhu cầu và khả năng tâm lý của người nghe, dùng hình ảnh và ngôn ngữ cụ thể, hướng về đời sống và theo phương pháp qui nạp.

II. GIÁO LÝ VỚI CÁC MÔN HỌC KHÁC

1. Giống nhau

Tất cả những gì các môn học khác đòi hỏi nơi người thầy như thế nào thì cũng đòi hỏi nơi người giáo lý viên như vậy. Cụ thể:

- Yêu nghề, yêu trẻ,
- Có kiến thức chuyên môn,

- Biết trình bày sống động,
- Biết dẫn thân,
- Biết tìm ra những sinh hoạt cụ thể,
- Biết liên hệ thực tế.

2. Khác nhau

Khi dạy giáo lý, người Thầy đích thực là Đức Kitô.

- Chính Chúa dạy giáo lý viên và các học viên.
- Chúng ta chỉ là người loan báo Tin mừng của Chúa.
- Giáo lý viên chỉ là người chuẩn bị cho người nghe đón nhận Tin mừng để sống.
- Cần hiểu và sống Tin mừng.
- Phải loan báo Tin mừng bằng ngôn ngữ của thời đại.
- Chuẩn bị tâm hồn người nghe với tất cả những phương pháp mới nhất của khoa tâm lý sư phạm.

III. NGUỒN MẠCH CỦA GIÁO LÝ

Giáo lý trình bày lời Thiên Chúa, nhưng phải tìm Lời Thiên Chúa ở đâu? Lời Thiên Chúa được chứa đựng trong 4 nguồn mạch đức tin:

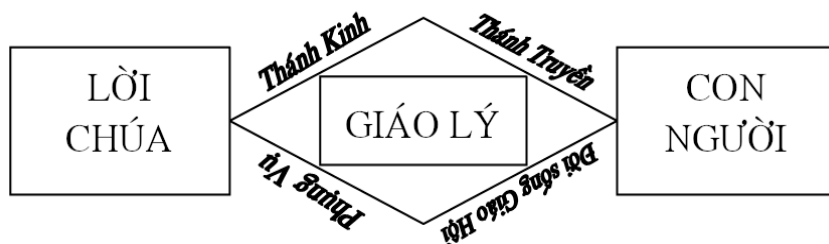
- Thánh Kinh: Cựu ước (46 cuốn) và Tân ước (27 cuốn).

- Thánh Truyền: một phần Mạc Khải được lưu lại dưới hình thức truyền khẩu và trong các giáo huấn của các giáo phụ.

- Phụng vụ: những gì Giáo hội sống trong phụng vụ thì cũng thuộc lãnh vực đức tin.

- Đời sống của Giáo hội: Giáo huấn của Đức Giáo Hoàng, của các Công đồng, của các Giám mục đoàn, lòng tin của toàn thể dân Chúa cũng là một phần trong kho tàng đức tin của Giáo hội.

Đó là những kho tàng chứa đựng Lời Thiên Chúa và là nguồn mạch của đức tin, giáo lý tổng hợp, tóm lược và trình bày nội dung đó.



BÀI 2: GIÁO LÝ VIÊN LÀ AI ?

I. GIÁO LÝ VIÊN

Giáo lý viên là người tín hữu, được Hội thánh trao cho sứ mệnh giúp những người chưa nhận biết Chúa Kitô và các tín hữu, được nhận biết, yêu mến và đi theo Chúa Kitô.

Trong việc dạy giáo lý, chỉ một mình Chúa Kitô là người giảng dạy. Những người khác có làm việc giảng dạy cũng chỉ là những phát ngôn viên của Ngài, để Ngài dùng miệng họ mà giảng dạy. Mỗi bận tâm thường xuyên của người giáo lý viên phải là thông truyền giáo lý và đời sống của Đức Kitô, qua việc giảng dạy và thái độ của mình (x. DGL 6).

II. GIÁO LÝ VIÊN LÀ NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Từ cái nhìn của Thánh Bộ Truyền Bá Phúc Âm đã nêu ở trên, ta có thể nói:

1. Giáo lý viên là người yêu mến và gắn bó với Đức Kitô đến độ muốn nói cho người khác biết và yêu mến Chúa Kitô.

2. Giáo lý viên là người đón nhận Lời Chúa, vì không biết Lời Chúa thì không thể biết Đức Kitô. (x.1 Ga 1,1-3).

3. Giáo lý viên là người yêu mến Giáo hội (x. Mt 28,19-20; 1 Tm 2,3-4).

4. Giáo lý viên là người sống cho con người (x. 1 Cr 19,23).

5. Giáo lý viên là người có tinh thần của Đức Maria, người đón nhận và trao ban Lời Chúa.

Trên đây là một số phác hoạ về con người giáo lý viên, bên cạnh đó người giáo lý viên cần nuôi dưỡng đời sống tâm linh bằng việc:

- Tham dự thánh lễ hằng ngày nếu được, để nuôi mình bằng "*Bánh Hằng Sống*"

- Suy niệm hằng ngày, đặc biệt là suy niệm Lời Chúa trong một thái độ chiêm ngắm và đích thân đáp trả điều mình lĩnh hội. Kinh nghiệm cho thấy, ngay cả đối với giáo dân, việc suy niệm đều đặn cũng như việc đọc Kinh Thánh hằng ngày giúp chĩnh đốn đời sống và bảo đảm một sự tăng trưởng hài hòa về đời sống tâm linh.

- Cầu nguyện riêng để nuôi dưỡng sự hiệp thông với Thiên Chúa, giữa những công việc bề bộn hằng ngày, cách riêng cần chú ý tới việc sùng kính Đức Maria.

- Thường xuyên lãnh nhận bí tích Hoà giải để thanh luyện tâm hồn và gia tăng nghị lực cho tâm hồn.

- Tham dự các buổi tĩnh tâm để giúp chính mình và cộng đoàn có được một đà tiến mới. Chỉ khi nào biết nuôi dưỡng đời sống nội tâm bằng việc cầu nguyện thường xuyên và chân thành, người giáo lý viên mới có thể đạt tới mức độ trưởng thành tâm linh mà vai trò của họ đời phải có.

III. SỨ MỆNH CỦA NGƯỜI GIÁO LÝ VIÊN

1. Giáo lý viên thi hành sứ mệnh chính thức trong Giáo hội

Công việc được ủy thác cho giáo lý viên bên ngoài có vẻ bình thường, nhưng thực ra là một công cuộc cơ bản, thiết yếu để xây dựng và mở rộng nước Thiên Chúa. Những việc quan trọng thường được chuẩn bị một cách âm thầm, giáo lý viên phải tin vào sứ mệnh của mình.

2. Đây là sứ mệnh có tính chất siêu nhiên

- *Siêu nhiên tự nguồn gốc*: là chính sứ mệnh mà Chúa Cha đã trao cho Chúa Giêsu, Chúa Giêsu lại trao cho Giáo hội, và Giáo hội đã ủy thác lại cho giáo lý viên qua Giám mục và Cha xứ (Ga 20,21).

- *Siêu nhiên trong chủ đích*: sứ mệnh này nhằm sinh Chúa Kitô và làm cho Ngài lớn lên trong các tâm hồn. Đó chính là sứ mệnh làm mẹ trong đời sống siêu nhiên của Giáo hội mà giáo lý viên được tham dự.

IV. GIÁO LÝ VIÊN CẦN CÓ NHỮNG GÌ?

1. Nhân cách trưởng thành

Giáo lý viên có nhân cách trưởng thành là người biết sống với tha nhân.

2. Đức tin trưởng thành

Giáo lý viên có đức tin trưởng thành là người biết sống với Chúa.

Tóm lại, người giáo lý viên là người trưởng thành về nhân bản và đức tin.

a) Nhân bản: tâm lý và xã hội

- Về tâm lý

+ Trí dục: phải có một trình độ văn hóa tối thiểu.

+ Tâm hồn, tình cảm: phải đủ tư cách, đức tính để có thể được gọi là một người chín chắn và đứng đắn.

+ Hiền lành: giáo lý viên là người rao giảng Lời Chúa, nên cần phải mặc lấy sự hiền lành và khiêm hạ của Đức Kitô để dễ cảm thông và tha thứ.

+ Quảng đại phục vụ và hy sinh, như thánh Gioan Boscô nói: *"Nếu vì lợi ích của các linh hồn, tôi sẵn sàng hy sinh đến liều lĩnh"*.

- Về xã hội

+ Tương quan xã hội: Cần có mối tương quan xã hội rõ ràng với nghề nghiệp ổn định hoặc chuẩn bị bước vào nghề.

+ Khả năng giao tế: biết diễn tả một cách tự nhiên thoải mái rõ ràng qua lời nói, cử chỉ..., biết ứng xử đúng cách, lịch sự và vui vẻ với mọi người.

b) Đức tin

- Hiểu biết: phải có một cái nhìn toàn diện, đầy đủ, mạch lạc và sống động về đức tin Kitô giáo.

- Sống đạo đức: những hiểu biết về đức tin trên phải thực sự phản ánh trong đời sống bản thân: sống điều tôi hiểu, hiểu điều tôi sống.

V. CHUẨN BỊ VỀ GIÁO LÝ VÀ SỰ PHẠM GIÁO LÝ

- Giáo lý viên nên có kiến thức về Thánh Kinh, Thần học, Phụng vụ, Bí tích, Luân lý, Giáo hội...

- Giáo lý viên nên có kiến thức về tâm lý và sự phạm, biết mình dạy ai? Dạy cái gì? Dạy như thế nào?

BÀI 3: CHỦ ĐÍCH CỦA GIÁO LÝ

Trong Tông huấn “*Dạy Giáo lý*”, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã viết: “*Mục đích tối hậu của khoa dạy Giáo lý là làm cho con người không những tiếp xúc nhưng còn thông hiệp mật thiết với Đức Giêsu Kitô: chỉ một mình Người có thể đưa ta đến tình yêu của Chúa Cha trong Thần Khí và làm cho ta tham dự vào đời sống của Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh*” (số 5).

I. GIÁO DỤC ĐỨC TIN

Giáo Lý nhằm chủ đích tối hậu là giáo dục con người hoàn thiện về mặt đức tin. Muốn đạt tới chủ đích đó cần vận dụng và khai thác hết mọi cơ năng chủ yếu:

trí tuệ, tình cảm, ý chí hoạt động. Công cuộc giáo dục đức tin có nhiều mức độ:

1. Truyền thông kiến thức tôn giáo

Học, hiểu và nhớ giáo lý rất cần thiết cho việc sống đạo. Thật vậy, đời sống tôn giáo của mỗi người tùy thuộc vào khả năng và nhận thức của họ.

Tuy nhiên, việc đào tạo đức tin không thể dừng lại ở nhận thức này, giáo lý không phải chỉ là một môn học nhằm đào tạo trí tuệ, truyền thông kiến thức, đưa tới một nhận thức lý thuyết không liên quan tới đời sống. Thực ra, nhận thức mới chỉ là bước đầu. Công cuộc giáo dục đức tin còn cần tiến xa hơn nữa.

2. Biến cải bản thân (luân lý)

Nếu chỉ có nhận thức không thôi thì chưa đủ, mà học thì phải đi đôi với hành. Nên nhận thức mới thì phải đưa tới thái độ mới.

Giáo lý Kitô giáo không phải chỉ là một mớ lý thuyết, học để biết; nhưng còn tạo nên nơi mỗi tín hữu một nếp sống mới.

3. Đưa vào đời sống mới của Chúa Giêsu

Thay đổi thái độ bên ngoài chưa đủ. Kitô giáo cũng không phải là một thứ luân lý tự nhiên dạy ăn ngay ở lành, nhưng là tạo điều kiện cho con người được hiệp thông cùng Thiên Chúa.

Giáo lý phải đưa con người vào thế giới của ân sủng, kết hợp với Chúa Kitô, sống trong Ngài, bởi Ngài mỗi ngày một thâm sâu hơn.

II. CHIỀU KÍCH THIẾT YẾU CỦA ĐỨC TIN KITÔ GIÁO

Đức tin của người tín hữu ngày nay phải hội đủ những điều kiện sau đây:

1. Đức tin có nội dung vững chắc

Đức tin Kitô giáo không phải chỉ là một thứ tình cảm mơ hồ, hoặc một thái độ dị đoan hay cuồng tín. Đức tin đó phải có nội dung phong phú dựa trên Mạc Khải của Thiên Chúa, đặc biệt là trên con người và giáo huấn của Chúa Kitô.

Nội dung của đức tin chính là mầu nhiệm, ý định và chân lý của Thiên Chúa. Tin là chấp nhận và đi theo đường lối đó.

Đức tin của tín hữu phải vững chắc và sáng suốt theo gương mẫu của Thánh Phaolô “Tôi biết tôi tin vào ai?” (2Tm 1,12).

2. Đức tin dẫn thân

Biết chân lý phải đưa tới sống chân lý. Dẫn thân là biến chân lý thành sống đạo, và để cho chân lý biến đổi bản thân mình.

Kitô giáo không phải là một lý thuyết, nhưng là hiệp thông vào đời sống thần linh của chính Thiên Chúa.

Tin không phải chỉ là chấp nhận bằng lý trí, nhưng còn là chấp nhận mọi hậu quả mà chân lý đòi hỏi trong đời sống, như Abraham đã bỏ tất cả để đi theo Thiên Chúa và hoàn toàn phó thác đời sống trong tay Ngài.

3. Đức tin cộng đồng

Mỗi tín hữu là một thành viên của dân Thiên Chúa. Đức tin không phải là việc riêng rẽ của từng cá nhân đối với Thiên Chúa, nhưng có tính cách cộng đồng. Người tín hữu lãnh nhận đức tin từ một cộng đồng, tham dự và lớn lên trong đức tin của một cộng đồng. Cộng đồng đó là Giáo hội. Vì thế trong Giáo hội, mỗi người phải liên đới và chịu trách nhiệm về đức tin của mọi anh em khác.

4. Đức tin phục vụ

Sự liên đới trong đức tin tạo nên nơi tín hữu một trách nhiệm đối với anh em mình, trong cũng như ngoài Giáo hội. Do đó, người tín hữu phải bày tỏ đức tin, làm chứng cho Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh, như “*ánh sáng trên gian*” và “*men trong bột*”. Như vậy là sống ơn Thêm sức và thi hành sứ vụ tiên tri giữa đời. Tuy nhiên, nhiệt tâm phải hoà nhịp với lòng khiêm tốn, cởi mở và tôn trọng tự do mỗi người.

III. KIỂM ĐIỂM THỰC HÀNH

Một khi đã xác định chủ đích của giáo lý, chúng ta dễ phát hiện những sai lầm hoặc khiếm khuyết cần cải tiến trong lãnh vực giáo lý.

1. Giáo lý từ chương

Giáo lý từ chương là chỉ học thuộc lòng cách máy móc một số công thức trừu tượng mượn trong thần học. Nó có thể tạo nên một ấn tượng an toàn nào đó về mặt tôn giáo, nhưng chính ấn tượng giả tạo này gây trở ngại cho công cuộc giáo dục đức tin. Giáo lý từ chương ngưng lại ở mức độ thứ nhất (nhận thức).

2. Khuynh hướng vụ luân lý

Vụ luân lý là ngưng lại một số quy luật, cấm đoán, hình thức bên ngoài của tôn giáo mà không dẫn sâu vào mầu nhiệm Kitô giáo. Mầu nhiệm này là nền tảng của luân lý.

Luân lý không thể thay thế được giáo lý. Luân lý cần thiết nhưng phải phát xuất từ giáo lý và đặt nền tảng trên giáo lý mới vững chắc. Luân lý là hệ luận của giáo lý.

3. Giáo lý cấp tốc

Vì nhằm giáo dục đức tin, nên giáo lý là một công cuộc dài hạn. Học thuộc lòng dăm ba câu kinh bốn có thể là xong trong vòng vài ba tuần, nhưng thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô để biến đổi đời sống phải có thời gian, và phải kéo dài suốt đời. Hơn nữa, giáo lý không chỉ nhằm mục đích duy nhất là chuẩn bị lãnh nhận các Bí tích, nhưng còn là một công cuộc giáo dục đức tin thường xuyên và liên tục kéo dài suốt đời người kitô hữu.

IV. NHỮNG MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Một giáo lý vui tươi

Trình bày sự điệp của Chúa Kitô như một Tin mừng giải thoát làm hưng khởi lòng người, vì đáp ứng những ước vọng sâu xa, thâm kín, chân chính nhất. Trong viễn tượng ấy, mỗi giáo lý viên phải là một chứng nhân của niềm vui và của Tin mừng.

2. Một giáo lý đào tạo những kitô hữu trưởng thành

Nó tạo nên một cái nhìn đức tin sáng suốt và sâu sắc, đủ khả năng thích ứng để đứng vững trong mọi hoàn cảnh.

3. Một giáo lý đào tạo những kitô hữu quân bình và toàn diện

Nó giúp tín hữu biết nhận định các giá trị, biết đón nhận mọi giá trị nhân bản chân chính và quy hướng chúng về Thiên Chúa.

4. Một giáo lý đào tạo những kitô hữu sẵn sàng phục vụ

Để giúp kitô hữu sẵn sàng phục vụ trong gia đình, trong Giáo hội, trong xã hội. Sống ơn Thêm sức qua lòng trung tín với tác động của Thánh Thần.

Tóm lại, nếu tạo được một nền giáo lý thích hợp như trên, chắc chắn đời sống tôn giáo của các cộng đoàn kitô hữu sẽ thay đổi mau chóng.

BÀI 4: GIÁO LÝ VỚI THÁNH KINH

I. THÁNH KINH LÀ NỘI DUNG GIÁO LÝ

Giáo lý trình bày Lời Thiên Chúa, Lời Thiên Chúa chính là nội dung của giáo lý. Lời này được ghi lại trong Thánh Kinh. Do đó, Thánh Kinh là nguồn chủ yếu của giáo lý. Giáo lý càng gần Thánh Kinh bao nhiêu càng phong phú và vững chắc bấy nhiêu.

Trong Thánh Kinh, chẳng những ghi lại lời giáo huấn của Thiên Chúa, nhưng còn ghi cả những việc Chúa làm, những kỳ công Ngài đã thực hiện, những việc này cũng bộc lộ ý định của Thiên Chúa. Do đó, Thánh Kinh là Lời Chúa và cũng là nguồn mạch của giáo lý.

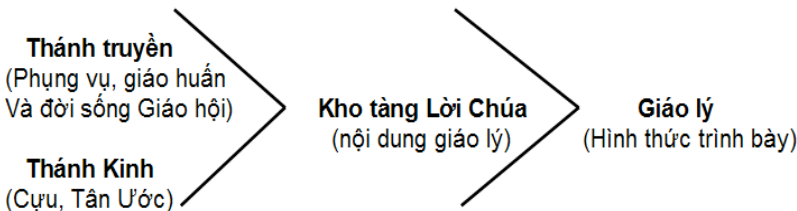
Thánh Kinh không phải là một cuốn luận thuyết có hệ thống, nhưng là một bộ sách đa dạng, lần lượt thuật lại một cách cụ thể sự can thiệp của Thiên Chúa vào lịch sử của một dân tộc đã được tuyển lựa để thực hiện ơn cứu độ cho trần thế. Tất cả những biến cố do Thiên Chúa can thiệp tạo nên một lịch sử. Lịch sử này lại nhằm thực hiện ơn Cứu độ, vì thế gọi là lịch sử cứu độ.

Nội dung của Thánh Kinh là lịch sử cứu độ. Đó cũng là nội dung của giáo lý. Giáo lý, qua diễn tiến của lịch sử cứu độ, phải trình bày ý định và chương trình cứu

độ của Thiên Chúa. Xưa kia, các giáo phụ đã theo cách trình bày này và nay giáo lý canh tân cũng trở lại với đường lối ấy.

Trong lịch sử cứu độ, Chúa Kitô là trung tâm. Ngài là Đấng Cứu Thế. Qua việc nhập thể, sự chết và sự sống lại, Ngài đã thực hiện ý định cứu độ và mọi lời hứa của Thiên Chúa. Tất cả những gì đã đến trước Chúa Kitô đều chuẩn bị và hướng về Ngài. Tất cả những gì đến sau Chúa Kitô đều nối dài sự hiện diện và hoạt động cứu độ của Ngài trong

Lịch sử cứu độ là nội dung của giáo lý. Mẫu nhiệm Chúa Kitô lại là trung tâm của lịch sử cứu độ. Do đó, giáo lý phải hướng về đối tượng chủ yếu là mẫu nhiệm Chúa Kitô.



II. THÁNH KINH VÀ NGÔN NGỮ GIÁO LÝ

- Thánh Kinh không lý luận một cách trừu tượng, không trình bày có hệ thống và không dùng những ý niệm chuyên môn của triết học.

Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa nói với con người bằng chính ngôn ngữ của con người. Thiên Chúa đã tự mặc khải qua lối suy nghĩ và diễn đạt uyển chuyển, bóng bẩy, cụ thể giàu hình ảnh và phảng phất màu sắc thi ca của dân Sê-mít.

Ngôn ngữ của Thánh Kinh dùng hình ảnh để cụ thể hoá các ý niệm và chất liệu gần với đời sống, có khả năng gợi ý cao và dễ lay động tâm hồn.

- Vì thế, chẳng những giáo lý phải thấm nhuần Thánh Kinh về nội dung nhưng còn phải gần gũi Thánh Kinh về ngôn ngữ. Giáo lý cần:

- Dùng từ ngữ, hình ảnh của Thánh Kinh để diễn tả ý tưởng.
- Dùng lối thuật truyện của Thánh Kinh để trình bày mầu nhiệm Kitô giáo.
- Lấy các biến cố trong Thánh Kinh để phác hoạ diễn tiến của lịch sử cứu độ.
- Lấy các nhân vật trong Thánh Kinh để mô tả thái độ tôn giáo của con người đối với Thiên Chúa.

Ví dụ: Abraham biểu hiện cho lòng tin

- Lấy chính Lời Thánh Kinh làm những câu đúc kết để học thuộc lòng thay vì mượn những công thức trừu tượng của thần học.

BÀI 5: GIÁO LÝ VỚI PHỤNG VỤ

I. PHỤNG VỤ LÀ NGUỒN MẠCH CỦA GIÁO LÝ

Không phải Lời Thiên Chúa chỉ được ghi chép trong Thánh Kinh. Một phần được lưu giữ lại dưới hình thức truyền khẩu. Lời Thiên Chúa còn được Giáo hội đón nhận và diễn tả trong chính đời sống của mình, nhất là trong Phụng vụ. Như trên đã nói: điều gì Giáo hội đã sống thật trong lời cầu khẩn của mình, thì điều đó cũng thuộc về lãnh vực đức tin. Thực ra, các bản văn và kinh nguyện rất phong phú về mặt giáo thuyết. Giáo lý có thể trích những lời đó làm câu học thuộc lòng cùng với những lời trích từ Thánh Kinh.

II. PHỤNG VỤ LÀ CHỦ ĐÍCH CỦA GIÁO LÝ

Mầu nhiệm Kitô giáo được loan truyền trong giáo lý và được cử hành trong phụng vụ. Do đó, giáo lý và phụng vụ liên quan mật thiết với nhau. Muốn cử hành mầu nhiệm có ý thức, cần tìm hiểu ý nghĩa mầu nhiệm được cử hành. Đó là phần vụ của giáo lý.

Giáo lý chuẩn bị phụng vụ hai cách:

- Trước khi cử hành phụng vụ, giáo lý trình bày ý nghĩa mầu nhiệm sẽ cử hành, các phần của nghi thức, cách thức cử hành, ý nghĩa các lời đọc và các cử chỉ.

- Trong lúc cử hành, chính chủ tế hoặc hướng dẫn viên phụng vụ cũng có thể giải thích nghi thức đang cử hành. Nếu giải thích một cách vắn tắt và cụ thể thì kết quả sẽ tốt hơn.

Chẳng những giáo lý chuẩn bị phụng vụ, nhưng còn hướng về phụng vụ như hướng về chủ đích của mình.

Giáo lý gợi lên lòng tin cậy mến, lòng tin cậy mến chỉ đạt tới chiều sâu đích thực khi mẫu nhiệm được cử hành trong phụng vụ.

Giáo lý giúp tín hữu cầu nguyện chân thành theo tinh thần và trong khuôn khổ phụng vụ.

Giáo lý tạo điều kiện cho tín hữu tham dự ý thức và tích cực vào sinh hoạt phụng vụ.

III. PHỤNG VỤ BỔ TÚC GIÁO LÝ

Giáo lý chuẩn bị và hướng về phụng vụ, nhưng ngược lại, chính phụng vụ cũng giúp ích cho giáo lý. Phụng vụ làm cho giáo lý thành cụ thể, sống động biến sự hiểu biết bằng trí tuệ thành cảm nghiệm bằng tâm hồn. Do đó, phụng vụ có giá trị sư phạm rất lớn trong lãnh vực giáo lý.

Chính vì mối tương quan mật thiết hai chiều giữa giáo lý và phụng vụ mà các sách giáo lý mới ngày nay, nhất là cho trẻ em, thường trình bày nội dung giáo lý theo diễn tiến của năm phụng vụ, hoặc phối hợp năm phụng vụ với lịch sử cứu độ.

BÀI 6: GIÁO LÝ VỚI CÁC NỀN VĂN HOÁ

I. TIN MỪNG VÀ VĂN HOÁ

Tin Mừng được loan truyền cho con người. Nhưng đời sống con người gắn liền vào môi trường sống, thiên nhiên cũng như văn hoá. Vì thế, khi truyền giảng chân lý đức tin, Giáo hội không thể không chú trọng vào các nền văn hoá.

II. GIÁO HỘI VỚI CÁC NỀN VĂN HOÁ

1. Giáo hội đến với mọi nền văn hoá

Giáo hội có tính phổ quát, Tin mừng cần được công bố cho mọi người và mọi dân.

Kitô giáo phải đến với mọi nền văn hoá, nhưng đồng thời không lệ thuộc vào một nền văn hoá nào.

Kitô giáo không tạo nên một nền văn hoá đặc thù nào bên cạnh các nền văn hoá khác, nhưng nhập cuộc để từ bên trong mỗi nền văn hoá góp phần nâng cao các nền văn hoá đó.

2. Giáo hội tôn trọng các nền văn hoá

Giáo hội luôn tôn trọng con người và các nền văn hoá, nhất là nền văn hoá ở những nơi mới bắt đầu tiếp xúc với Tin mừng.

3. Giáo hội tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hoá

Các giá trị cao đẹp tích lũy qua các thời đại của các dân tộc là những bông hoa tươi thắm trong vườn của Thiên Chúa. Công đồng Vaticanô II coi các tôn giáo khác là giai đoạn khởi đầu chuẩn bị xa, dẫn tới gần Kitô giáo.

Tiếp nhận có chọn lọc và loại trừ những điều thoái hoá, mê tín dị đoan, tinh luyện những gì chưa thật trong sáng. Thu nhận tất cả những giá trị tích cực hợp với chân lý và đạo đức, nhưng đồng thời tránh tạo nên một thứ tạp giáo.

4. Giáo hội diễn tả đức tin hợp với văn hoá truyền thống

Nội dung đức tin là một và không thay đổi, nhưng cách diễn đạt đức tin có thể thích ứng với môi trường, hoàn cảnh và thời đại.

Tôn giáo dùng nhiều cách thức ngoại giới để diễn tả những thực tại tâm linh, đặc biệt trong lãnh vực thần học và phụng vụ. Vì thế, cần chú trọng đến ngôn ngữ và nghệ thuật.

Diễn tả Kitô giáo phù hợp với các nền văn hoá địa phương làm cho Kitô giáo trở nên gần gũi với mọi người. Tin mừng trở nên dễ hiểu và dễ được đón nhận - hơn nữa Kitô giáo ở mỗi địa phương sẽ giữ được cá tính và bản sắc của mình.

Thư chung HĐGMVN năm 1980, số 11 có nhắc đến ước vọng và nhiệm vụ của Giáo hội Việt Nam: “*Xây dựng trong Hội thánh một lối sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc*” (Thư chung HĐGMVN năm 1980, số 11)

BÀI 7: GIÁO LÝ HƯƠNG VỀ CON NGƯỜI

I. KITÔ GIÁO KHÔNG HẠ THẤP CON NGƯỜI

Kitô giáo suy tôn Thiên Chúa và lấy Thiên Chúa làm điểm qui chiếu mọi sự. Tuy nhiên, không vì thế mà hạ thấp con người. Trái lại, Kitô giáo tự thân có tính nhân bản: đề cao con người bằng cách gắn liền con người vào Thiên Chúa. Con người là hình ảnh và là con Thiên Chúa. Thiên Chúa được suy tôn bao nhiêu thì con người được nâng cao bấy nhiêu. *“Vinh quang của Thiên Chúa là con người được sống, và vinh quang của con người là chính Thiên Chúa”* (Thánh Irênê). Hơn nữa, Tin mừng liên kết Thiên Chúa và con người trong cùng một lòng mến, đã mến Chúa thì phải yêu người, đã xúc phạm đến con người thì cũng xúc phạm tới Thiên Chúa. *“Ai bảo mình yêu mến Thiên Chúa mà không yêu mến anh em thì người ấy là kẻ nói dối”* (x.1 Ga...)

Giáo lý cũng phải chú trọng đến tương quan đó. Giáo lý chẳng những tìm hiểu về mầu nhiệm Thiên Chúa mà còn suy nghĩ trong ánh sáng của mầu nhiệm này, về đời sống và thân phận con người trong tương quan với Thiên Chúa.

II. GIÁ TRỊ NHÂN BẢN VÀ ĐỜI ÂN SỬNG

Con người được mời gọi nên thánh, sống đời ân sủng. Tuy nhiên, để nên thánh trước hết phải là một con người với những đức tính nhân bản cần thiết: có tư cách, danh dự, đức độ.

Con người siêu nhiên (sống bằng ân sủng và thực hành các nhân đức siêu nhiên) không bay bổng trên mây nhưng đặt nền tảng trên con người tự nhiên. Các nhân đức siêu nhiên đặt trên nền các đức tính tự nhiên như: trung thực, ngay thẳng, liên đới, xả kỷ...

Cần phát huy các giá trị nhân bản và trao dồi các đức tính tự nhiên để làm nền tảng cho đời ân sủng.

III. KITÔ HỮU VỚI CÁC TRÁCH NHIỆM TRẦN THẾ

1. Người kitô hữu sống trong trần thế, vừa được mời gọi vào Nước trời, vừa là thành viên của một xã hội trần thế, công dân của một tổ quốc.

Vì thế người kitô hữu phải thực hiện hai vận mệnh: vận mệnh trần thế (đạt tới một cuộc sống hạnh phúc dưới thế) và vận mệnh vĩnh cửu (đạt tới Nước trời mai sau). Phải chu toàn hai bổn phận: bổn phận xã hội đối với đồng loại, và bổn phận tôn giáo đối với Thiên Chúa.

2. Phải chu toàn cả hai bổn phận cùng một lúc. Không chọn một trong hai, bỏ bên này hay bên kia.

Vì thế phải có hai thái độ quân bình và đúng mức:

- Không khinh chê các thực tại trần thế và lẫn tránh các trách nhiệm xã hội.

- Cũng không sao nhãng việc thực hiện vận mệnh vĩnh cửu của mình. Phải kiên trì đi cho hết đường - Đạt tới vinh quang Nước trời.

3. Niềm hy vọng cánh chung không miễn trừ cho kitô hữu các bổn phận hôm nay đối với xã hội trần thế: chống lại nghèo đói, bệnh tật, bất công, chiến tranh. Cần góp phần xây dựng một thế giới sung túc, công bình và huynh đệ hơn.

4. Người kitô hữu tiến về Nước trời, nhưng con đường tới Nước trời phải xuyên qua trần thế này. Đó là con đường bắt buộc phải đi. Hơn nữa, nếu được lòng Tin, Cậy, Mến thúc đẩy, thì việc xây dựng trần thế cũng trở thành một cách xây dựng Nước trời cho mai sau.

Giáo lý cần nhắc nhở các kitô hữu về các trách nhiệm trần thế, các bổn phận xã hội và đặt các trách nhiệm đó trong tương quan với niềm tin của mình.

BÀI 8: NỘI DUNG GIÁO LÝ

Nội dung của giáo lý là toàn bộ mầu nhiệm Kitô giáo, đặc biệt là mầu nhiệm Cứu độ, giao điểm giữa mầu nhiệm của Thiên Chúa và mầu nhiệm của con người.

I. NHỮNG Ý LỰC CỦA NỘI DUNG GIÁO LÝ

Phải trình bày toàn bộ mầu nhiệm Kitô giáo, nhưng không phải hết mọi chân lý đều có tầm quan trọng như nhau, và cũng không phải cứ lần lượt kê khai mọi chân lý là đủ. Cần trình bày mầu nhiệm Kitô giáo một cách mạch lạc theo một cấu trúc, dựa trên một số ý lực. Các ý lực này cho thấy các yếu tố của mầu nhiệm Kitô giáo liên kết với nhau thành một toàn thể nhịp nhàng và liên tục.

1. Ý định cứu độ của Thiên Chúa Ba Ngôi

Ý định đó sẽ phát sinh mọi mầu nhiệm khác, là mầu nhiệm thông hiệp nội tại: Cha, Con, Thánh Thần cùng chia sẻ một nguồn sống và một Tình yêu. Muốn chia sẻ và thông hiệp không thể chỉ có một Ngôi vị.

2. Lịch sử cứu độ

Ý định cứu độ của Thiên Chúa được thực hiện từng bước trong thời gian. Thiên Chúa can thiệp vào lịch sử loài người để phục hồi con người sa ngã. Toàn thể những sự can thiệp đó tạo nên lịch sử cứu độ. Lịch sử các dân

tộc (lich sử trần thế) là mặt nổi của lịch sử. Lịch sử cứu độ là mặt chìm của lịch sử.

Lịch sử cứu độ diễn tiến theo nhiều giai đoạn liên tục: chuẩn bị ơn cứu độ (Cựu ước). Thực hiện ơn cứu độ (Tân ước). Phân phối ơn cứu độ (thời Giáo hội). Sau ngày tái lâm, công cuộc cứu độ sẽ được hoàn tất trong Nước trời.

3. Chúa Kitô là trung tâm của lịch sử cứu độ

a. Mẫu nhiệm Chúa Kitô

- Con người của Ngài là Emmanuel (Thiên Chúa ở cùng chúng ta).

- Giáo huấn của Ngài được tóm trong hai mệnh đề: Thiên Chúa là ai? Ngài muốn gì?

- Công cuộc của Ngài: thực hiện mọi lời hứa của Thiên Chúa, chủ yếu là Ôn cứu độ.

b. Chúa Kitô là trung tâm của lịch sử

Pascal cho rằng: Cựu ước nhìn Chúa Kitô như sự hoàn tất của mình. Tân ước ngoảnh lại nhìn Chúa Kitô như khởi điểm của mình. Cả hai Giao ước ngoảnh nhìn Chúa Kitô như tâm điểm.

4. Mẫu nhiệm Phục sinh

Là trung tâm cuộc đời Chúa Kitô

Là nền tảng của lòng tin Kitô giáo

Là nguồn sống mới của kitô hữu.

5. Chúa Kitô hiện đang tiếp tục hoạt động trong trần thế qua Thánh Thần và Giáo hội

Mầu nhiệm Nhập Thể, Phục Sinh, và biến cố Ngũ tuần còn đang tiếp diễn. Chúa Kitô trở nên vô hình nhưng không khiếm diện.

6. Nhiệm tích phân phát đời sống mới của Chúa Kitô

Chúa Kitô Phục sinh là nguồn sống mới. Mỗi nhiệm tích là một ngọn suối mang nguồn sống mới của Chúa Kitô Phục sinh đến cho chúng ta thời nay. Trong mỗi nhiệm tích, chúng ta gặp gỡ chính Chúa Kitô và nhận được sự sống của Ngài, mặc dầu chúng ta xa cách Ngài trong thời gian. Nhờ các nhiệm tích ơn cứu độ được hiện tại hoá nơi mỗi người.

7. Con người đáp ứng đời sống mới bằng sống theo gương Chúa Kitô

Theo gương ngài bằng thực hành các giới luật được đúc kết trong Tám Mối Phúc và bằng các nhân đức, nhất là ba nhân đức đối thần: Tin, Cậy, Mến.

8. Chúa Kitô quang lâm

Lúc đó công cuộc cứu độ của Thiên Chúa trở nên viên mãn. Thế giới này được biến đổi thành “*trời mới, đất mới*”. Trong Nước hằng sống, những người được cứu độ sẽ đời đời hát lên bài ca mới: Alleluia (ngợi khen Chúa) và Amen (thật như vậy).

II. QUY LUẬT TRÌNH BÀY NỘI DUNG GIÁO LÝ

Trình bày theo hai nguyên tắc:

1. Tôn trọng tính thống nhất và liên tục của công cuộc cứu độ

Giáo lý phải cho thấy toàn bộ chương trình cứu độ và những giai đoạn thực hiện chính, tất cả đều hoà nhịp và ăn khớp với nhau.

2. Thời sự tính

Qua cách trình bày giáo lý, khuôn mặt siêu lịch sử của Chúa Kitô phải chiếu sáng rực rỡ. Chúa Kitô không thuộc về quá khứ nhưng là “*Chúa Kitô hôm qua, hôm nay và mãi mãi*”. Lịch sử cứu độ đang tiếp diễn giữa chúng ta và chính chúng ta đang sống trong lịch sử cứu độ.

III. NHỮNG PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY NỘI DUNG GIÁO LÝ

1. Bốn phương thức chính

- Theo diễn tiến của lịch sử cứu độ (I)
- Theo diễn tiến của năm phụng vụ (II)
- Phối hợp lịch sử cứu độ với năm phụng vụ (III)
- Theo hệ thống (IV).

2. Đánh giá mỗi phương thức

- Phương thức I thích hợp với thiếu niên, vì thiếu niên thích nghe chuyện và thường ngưỡng mộ các nhân vật lịch sử. Dĩ nhiên cũng hợp với người lớn.
- Phương thức II và III hợp với trẻ nhỏ vì cụ thể.
- Phương thức IV chỉ có thể dùng cho người lớn.

Phần 2

PHƯƠNG PHÁP GIÁO LÝ

BÀI 9: ĐƯỜNG LỐI TRUYỀN GIẢNG TIN MỪNG CỦA CHÚA GIÊSU

Canh tân nhiều khi chỉ là trở về nguồn. Mặc dầu phương pháp giáo lý ngày nay dựa trên nhiều khám phá mới về tâm lý và sư phạm, nhưng thực ra chỉ là trở về với những nguyên tắc rất đơn giản mà Chúa Giêsu đã áp dụng xưa.

I. TRỰC TIẾP NÓI VỚI DÂN CHÚNG

Mặc dầu tâm hồn luôn hướng về Chúa Cha và ngày nào cũng dành nhiều giờ để cầu nguyện trong thanh vắng, Chúa Giêsu vẫn là người của quần chúng.

Bất cứ ở đâu Ngài cũng nói về Nước Thiên Chúa: trên núi, dưới thuyền, trong hoang địa, ngoài bãi biển, ...

Ngài nói với mọi hạng người: dân chúng, người biệt phái, các luật sĩ, phái Saduxêô, người thu thuế, binh sĩ La mã, thiếu phụ Samari...

II. TRÌNH BÀY SỐNG ĐỘNG, ĐỐI THOẠI, VÀ TÂM NGƯỜI NGHE

Đa số thánh giả của Chúa Giêsu là người bình dân chất phác, không có học, không biết chữ. Chúa đặt mình

vào tâm hiểu biết của họ, nói những điều họ có thể hiểu, giải đáp những điều họ đang thắc mắc, gây hứng khởi cho người có thiện chí, mặc dầu không lẫn tránh những vấn đề khó chấp nhận.

Chúa còn nói với dân chúng bằng chính ngôn ngữ của họ. Do đó, họ cảm thấy mình được hiểu, nghe không chán. Có lần họ kéo nhau vào hoang địa để nghe giảng. Nhiều lúc họ thú nhận “*Thật chưa thấy ai giảng như người này*”.

Nếu gặp những người có học, hoặc khi họ muốn tranh luận bắt bẻ, Chúa cũng sẵn lòng lý luận, trưng dẫn bằng chứng phi bác luận điệu sai, trích dẫn Thánh Kinh và luật Môsê để thuyết phục hoặc cho thấy sự lầm lạc của đối phương.

Chúa luôn luôn thích ứng lời giảng với tình trạng thái độ của người nghe.

III. DỰA VÀO SỰ VIỆC CỤ THỂ ĐỂ GIẢI THÍCH MÀU NHIỆM NƯỚC TRỜI

Bất cứ việc gì xảy ra trong cuộc sống thường ngày, cũng có thể trở thành dịp cho Chúa nói về Nước trời. Khi muốn dạy một chân lý cao siêu, mới lạ, khó tin, Chúa luôn lấy sự việc cụ thể, quen thuộc mượn trong đời sống mỗi người làm khởi điểm.

- Chim trời, hoa đồng là dịp cho Chúa giảng về sự sẵn sóc, quan phòng của Thiên Chúa.

- Bánh nuôi xác là hình ảnh của Bánh Hằng Sống nuôi hồn.

- Hạt giống tượng trưng cho Lời Thiên Chúa gieo vào lòng người, và tùy theo đất mà mọc lên.

- Nước Thiên Chúa giống như: hạt cải, men, tiệp cưỡi, vườn nho...

Qua những hình ảnh quen thuộc như vậy, mẫu nhiệm Nước Thiên Chúa trở nên gần gũi với dân chúng.

Chúa Giêsu thường dùng dụ ngôn để giảng dạy. Chân lý thường được gói gém trong một câu chuyện và là kết luận của câu chuyện. Nghe xong câu chuyện chẳng những người nghe hiểu bài học được trình bày, nhưng còn có thể tự mình rút ra bài học đó. Định nghĩa trừu tượng được thay thế bằng một câu chuyện cụ thể.

Nghe xong câu chuyện “*người con phung phá*” (x. Lc 15), người ta hiểu ngay lòng Chúa yêu thương kẻ có tội.

Đọc hết câu chuyện “*nén bạc*” (x. Lc 19,11-27), người ta thấy cần phải khai thác mọi ân huệ Thiên Chúa ban.

Theo dõi câu chuyện “*người Samaritanô nhân hậu*” (x. Lc 10,29-37), người ta tự mình có thể kết luận được rằng, hết mọi người là anh em, và chỉ có lòng thương xót mới nhận ra anh em mình.

IV. ĐÚC KẾT THÀNH NHỮNG CÂU DỄ NHỚ

Cần diễn giải chân lý, nhưng sau khi đã diễn giải phải đúc kết lại thành những câu ngắn. Diễn giải để có thể hiểu, đúc kết để có thể nhớ. Chúa Giêsu thường làm như vậy. Chúng ta tìm thấy trong Phúc Âm nhiều kết

luận giản dị nhưng sâu sắc (giống như những câu ca dao trong văn chương truyền khẩu của Việt Nam). Ví dụ:

➤ Về cầu nguyện: *“Ai xin thì sẽ được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ thì sẽ mở cho”*.

➤ Về khiêm tốn: *“Kẻ trước hết sẽ nên sau hết, kẻ sau hết sẽ nên trước hết”*, *“Ai nâng mình lên sẽ bị hạ xuống, ai hạ mình xuống sẽ được nâng lên”*.

➤ Về tinh thần phục vụ: *“Ta đến để phục vụ chứ không để được phục vụ”*.

➤ Về bền đỗ: *“Kẻ được gọi thì nhiều, nhưng người được chọn thì ít”*.

V. NHẮC LẠI DƯỚI NHIỀU HÌNH THỨC KHÁC NHAU

Khi trình bày một chân hoặc một giáo lý, Chúa Giêsu thường lặp lại dưới nhiều hình thức khác nhau. Như vậy, người nghe dễ nhớ, dễ hiểu nhưng không nhàm chán, vì mỗi lần nhắc lại có bổ túc thêm những khía cạnh mới. Ví dụ: có nhiều dụ ngôn cùng nói về lòng Thiên Chúa yêu thương tội nhân: Con chiên lạc; Đồng bạc đánh mất; Người con phung phá.

VI. TIẾN TỪNG BƯỚC THEO NHỊP ĐỘ HIỂU BIẾT CỦA NGƯỜI NGHE

Chân lý, nhất là chân lý tôn giáo, không thể làm cho hiểu hết, hiểu ngay một lần, cần có thời gian để tiếp nhận và tiêu hoá. Do đó, Chúa Giêsu mạc khải mầu nhiệm Nước Thiên Chúa từng bước; mỗi lần Ngài bổ túc, đào sâu và mở rộng thêm những điều đã dạy trước.

Ví dụ: Ngài tỏ mình là Đấng Thiên Sai, Đấng Cứu Thế, trước khi cho thấy mình là chính Con Thiên Chúa. Ban đầu Ngài cũng không nói đến thương khó và sự chết ngay vì cần phải chuẩn bị tâm hồn các Tông đồ trước đã.

VII. TRÍCH DẪN THÁNH KINH ĐỂ MINH CHỨNG LỜI NÓI

Những lời Thánh Kinh Chúa Giêsu thường trích dẫn giúp cho người nghe dễ tin và hiểu sâu hơn những lời Ngài giảng. Những lời đó còn minh chứng Ngài đến để hoàn tất mọi sự: những lời Ngài nói, những việc Ngài làm, vừa nối tiếp vừa thực hiện những gì đã được tiên báo trong Cựu ước. Ngài chính là Đấng thực hiện mọi lời hứa và mọi ý định của Thiên Chúa.

VIII. KHÔNG NHỮNG TRÌNH BÀY NHƯNG CÒN CẢM HOÁ

Khi diễn giải mẫu nhiệm Nước trời, Chúa Giêsu đồng thời gọi lòng yêu thích đón nhận chân lý và sẵn sàng thay đổi cuộc sống người nghe. Có người không đón nhận Lời Ngài mời gọi như chàng thanh niên giàu có, nhưng rất đông người nghe đã được cảm hoá để đổi đời. Ví dụ: thiếu phụ Samaria (x. Ga 4), ông Giakêu (x. Lc 19,1-10), người trộm lành (x. Lc 23,39-43).

Tóm lại: Cách thức truyền giảng Tin mừng của Chúa Giêsu thật đơn giản và linh động, nhưng sâu sắc và chứa đựng nhiều nguyên tắc sư phạm không thể bỏ qua.

BÀI 10: MẤY NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG CĂN BẢN

Dựa vào phương thức truyền giảng Tin mừng của Chúa Giêsu, chúng ta có thể rút ra một số nguyên tắc sử dụng sau đây:

I. CỤ THỂ

1. Định Nghĩa

Cụ thể có nghĩa là dễ tưởng tượng, dễ hình dung được ngay, vì nó đánh động vào giác quan.

Người nghe càng nhỏ tuổi, bài giáo lý càng phải cụ thể, vì trẻ nhỏ có kinh nghiệm cảm tính và suy nghĩ bằng hình ảnh, chứ chưa lĩnh hội được các ý niệm và chưa lý luận cách trừu tượng.

2. Dùng từ ngữ và kiểu nói dễ hiểu

Từ ngữ và kiểu nói đơn giản này sẽ cụ thể hoá các ý niệm trừu tượng, làm cho các ý niệm đó vừa tầm tiếp nhận và tiêu hoá của người nghe.

Đối với người lớn cần phải hoán chuyển hình ảnh thành ý niệm, nhưng đối với trẻ nhỏ, phải làm ngược lại cần hoán chuyển ý niệm thành hình ảnh. Các kiểu nói bóng, so sánh, ví von ... gọi chung là ngôn ngữ hình ảnh đều nhằm mục đích này. Thánh Kinh thường dùng nhiều ngôn ngữ hình ảnh: Chúa là Ánh Sáng, là Thành Luỹ, là Mọc Tử,... Ngài chẵn dất

ta trên đồng cỏ xanh, dẫn đưa tới suối nước mát...
Cây gậy (để đánh sói dữ) của Ngài làm ta an lòng...

3. Cụ thể hoá bài giáo lý

Để cụ thể hoá bài giáo lý, ngoài ngôn ngữ hình ảnh vừa nói còn có thể dùng thể ảnh: tranh ảnh, hình vẽ, hình chụp,... Thể ảnh còn cụ thể và hiệu năng sư phạm cao hơn cả ngôn ngữ hình ảnh, do khả năng gợi ý và thu hút sức chú ý của nó. Ví dụ: Một tấm ảnh phong cảnh thiên nhiên thật đẹp, có thể diễn tả về quyền phép của Thiên Chúa cụ thể hơn nhiều so với lời mô tả của giáo lý viên.

Có hai loại thể ảnh: ảnh tài liệu và ảnh gợi ý.

+ Ảnh tài liệu: ảnh ghi lại những sự kiện đã xảy ra ở những nơi có thật, nhưng xa chúng ta trong không gian và thời gian. Ví dụ: hình ảnh Đất Thánh, Công đồng Vatican II, xứ Ars... Hình ảnh tài liệu chỉ có giá trị nếu trung thực và đúng sự thực.

+ Ảnh gợi ý: ảnh có tính chất sáng tác, tượng trưng để diễn tả một ý tưởng hay một tâm tình nào đó. Loại ảnh này phải diễn tả những ý tưởng đúng và những tâm tình tôn giáo sâu sắc mới thích hợp với giáo lý. Trong phạm vi giáo lý, ảnh “có ý nghĩa” quan trọng hơn là ảnh “đẹp”.

Không nên dùng quá nhiều hình ảnh trong một bài giáo lý và cần phối hợp hình ảnh với các bài giảng cho nhịp nhàng, đúng lúc, đúng đề tài.

- Phương pháp tốt nhất để làm cho bài giáo lý trở nên cụ thể là dùng lối kể chuyện.

II. PHƯƠNG PHÁP QUY NẠP

1. Định nghĩa

Phương pháp quy nạp là đi từ những hiện tượng, sự kiện riêng đến những kết luận chung. (Từ điển Tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng 2005)

Ví dụ :

- Trường hợp riêng biệt: Ông A, ông B, ông C đã chết.
- Rút ra kinh nghiệm: mà Ông A, ông B, ông C là người.
- Định luật chung: vậy mọi người đều phải chết.
- Như thế phương pháp quy nạp đi từ một vài câu chuyện hay từ các sự kiện cụ thể trong đời sống thực tế, từ những trường hợp riêng lẻ tới tổng quát, từ dễ tới khó, từ dưới lên trên.

2. Chúa Giêsu đã theo phương pháp quy nạp khi giảng dạy

Chúa Giêsu thuật lại một câu chuyện, một dụ ngôn, rồi sau đó rút ra bài học :

Câu chuyện	=>	Bài học
(khởi điểm)		(kết luận)

Ví dụ : - Người Samaritanô tốt lành => Mọi người là anh em (Lc10, 29-37).

- Chuyện người con phung phá => Thiên Chúa đón nhận tội nhân (Lc 15, 11-32).

3. Áp dụng phương pháp quy nạp vào việc dạy giáo lý

Để áp dụng phương pháp quy nạp vào việc dạy giáo lý, ta theo 3 bước sau :

- Giới thiệu: Đưa ra một sự kiện, một câu chuyện làm khởi điểm.

- Nhận định: Từ sự kiện, câu chuyện đó rút ra những ý tưởng, những bài học thích hợp.

- Áp dụng: Đem ý tưởng, bài học đó vào đề tài giáo lý mình muốn trình bày.

Ví dụ: chủ đề Chúa Giêsu là Bánh Hằng Sống nuôi dưỡng linh hồn ta.

- Giới thiệu: Mỗi ngày gia đình chúng ta họp nhau 3 lần để dùng bữa : bữa sáng, bữa trưa, bữa tối.

- Nhận định: Bữa ăn cần thiết để nuôi sống thân xác, bồi dưỡng sức khoẻ, làm cho ta lớn lên.

- Áp dụng: Linh hồn ta cũng cần được nuôi sống, bồi dưỡng, lớn lên. Chúa Giêsu lấy chính Mình, Máu Ngài để nuôi dưỡng linh hồn ta. Thánh Thể thật là của ăn vì chính Chúa đã nói: *“Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng chính là thịt tôi đây...”* (Ga 6, 51).

III. PHƯƠNG PHÁP ĐẶT CÂU HỎI

Một trong những phương pháp giúp học viên hiểu sâu xa được nội dung bài học, đó là cách đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

Thần học gia Karl Rahner xác quyết rằng: những câu hỏi tốt là dấu hiệu về sự hiện diện sống động của Thiên Chúa trong đời sống chúng ta. Đức tin lớn lên được là nhờ việc đặt vấn đề, thăm dò và tìm hiểu.

1. Lợi ích của câu hỏi

a. Về tâm lý, giáo dục: Đặt câu hỏi,

- Là bắt đầu hiểu một phần vấn đề, cần tìm hiểu sâu hơn

- Là thái độ cởi mở, thẳng vượt e lệ, lãnh đạm, để trao đổi

- Là xác định bản lãnh của mình: có ý nghĩa riêng, đối chiếu quan điểm

- Là phương pháp tìm hiểu tâm tính và kiểm tra kiến thức.

b. Về loan báo Tin mừng

- Chúa Giêsu đáp lại những câu hỏi của mọi hạng người: “Thầy ở đâu? Ông có phải là Đức Kitô? Tôi phải làm gì để được sống đời đời?”

- Chính Chúa Giêsu cũng dùng câu hỏi để dân người nghe đến chân lý: “Các con bào Thầy là ai? Anh có tin con người không?”

2. Các loại câu hỏi

a. *Câu hỏi về sự kiện*: đây là câu hỏi để bảo đảm kiến thức chính xác về những sự kiện quan trọng. ví dụ: “bí tích là gì? Có bao nhiêu bí tích?” Những câu hỏi này được đặt ra để nắm vững về những sự kiện cơ bản, kiểm tra kiến thức.

b. *Câu hỏi về ý nghĩa*: từ một câu chuyện, một định nghĩa, một sự kiện, ta đặt câu hỏi “điều này có ý nghĩa gì?”

Câu hỏi này nhằm hiểu biết dư luận, tìm ý kiến về một vấn đề. Nó mời gọi đi sâu vào sự kiện đức tin và đời sống, hơn những kiến thức hời hợt.

c. *Câu hỏi về giá trị*: nhằm gợi lên những suy nghĩ sâu xa và cụ thể của từng cá nhân. Ví dụ: “Các bí tích có ảnh hưởng gì đến bạn? bạn có thường xuyên lãnh bí tích không, và nó giúp gì cho bạn?”

Câu hỏi loại này có tính cách cá nhân, nên cần tôn trọng và tùy theo sự nhạy bén, đừng ép phải trả lời loại câu hỏi này. Cần tạo bầu khí tin tưởng, sẽ dễ dàng trao đổi kinh nghiệm sống.

d. *Câu hỏi về cùng đích cuộc đời*: loại này liên quan đến đời sống và đụng chạm đến những huyền nhiệm của sự sống con người, niềm tin công giáo. Ví dụ: “Bí tích cho thấy gì về sự sống và sự chết? Đây là điều thiện, điều ác? Đây là hạnh phúc đích thực?”

Đây là những câu hỏi đụng chạm về chiều sâu cảm nghiệm và niềm tin. Có thể khó trả lời cách trôi chảy.

Những câu trả lời tốt nhất thường do sự suy tư trầm lắng, niềm tin phó thác và sự cầu nguyện khiêm tốn.

e. Ngoài ra, còn có câu hỏi lạc đề: do học viên đưa ra, thiếu xác tín và ngoài vấn đề học hỏi

Có thể vì nhiều lý do: chán học, mệt, muốn giải trí, bài học xa thực tế, không gây thích thú.

3. Cách đặt câu hỏi cho học viên

Để giúp học viên suy nghĩ và thảo luận, có 4 cách đặt câu hỏi:

a. Tránh nêu câu hỏi “đóng”, vì câu trả lời chỉ là có hoặc không.

b. Bình thường, nên đặt câu hỏi chung cho cả lớp trước khi hỏi riêng từng cá nhân. Điều này nhằm mời gọi cả lớp cùng suy nghĩ.

c. Có thể đặt câu hỏi trong nhiều dạng khác nhau. Ví dụ: đặt câu hỏi với chính người hỏi, hoặc với cả lớp, hoặc dùng thơ văn, tranh ảnh, truyện kể, phim truyện hoặc những hoạt động sáng tạo khác...

d. Đừng hài lòng những câu trả lời hời hợt đòi hỏi phải suy nghĩ sâu.

Lưu ý, cách đặt câu hỏi về ý nghĩa và giá trị, đó là một kỹ năng quan trọng cho việc dạy học có chiều sâu. Câu hỏi phải có tính gợi ý và tiệm tiến

- *Gợi ý:* có nghĩa là câu hỏi vừa tầm người nghe, lời giải đáp đã mặc nhiên nằm trong câu hỏi. Nó khác với

câu đố, vì câu đố càng khó, càng bí hiểm càng tốt. Trái lại, câu hỏi gợi ý tự nó mở đường cho lời đáp.

- *Tiệm tiến*: có nghĩa là các câu hỏi đi theo hướng quy nạp : từ dễ đến khó, từ các vòng ngoài xoáy vào cốt lõi vấn đề, nối tiếp nhau cách liên tục và cùng quy hướng về vấn đề đang tìm hiểu. Câu hỏi ngày càng chuyên sâu để thu hẹp vấn đề và trở nên chính xác.

Tóm lại, thay vì hình thức thuyết minh, trực tiếp cung cấp kiến thức, thông tin, giải pháp, chúng ta đặt câu hỏi gợi mở để người nghe tự tìm ra câu trả lời cho một vấn đề. Từ kết quả thu được đó, chúng ta sẽ uốn nắn và hoàn chỉnh. Đó là cốt lõi của phương pháp đặt câu hỏi.

4. Thái độ của giáo lý viên trước những câu hỏi

a. Tiếp nhận câu hỏi với thiện cảm

- Trước hết, tỏ ra thái độ cởi mở, tiếp nhận, thái độ biết lắng nghe và biết lưu tâm đến thắc mắc và giá trị của người khác.

- Không nên trả lời vội vã. Nên đào sâu câu hỏi và tìm gặp tâm tư của người đặt câu hỏi. Về mặt sư phạm: câu trả lời tốt không phải là câu trả lời nhanh, nhưng là lời giải đáp mà trẻ em cảm thấy vui vì nhận thấy phát xuất từ đáy lòng giáo lý viên.

b. Không nên trả lời hết mọi câu hỏi

- Cần nắm vững nguyên tắc sư phạm: giáo lý viên nên trả lời 2 loại câu hỏi sau đây

+ loại có liên quan đến đa số học viên
+ loại tạo nên sự hiểu biết thêm về chân lý mạc
khải

- Cần tập trẻ suy nghĩ cẩn thận trước khi đặt câu hỏi, và đặt những câu hỏi liên quan đến tập thể

- Giáo lý viên cũng phải biết hạn chế câu hỏi để tránh lạc đề quá xa. Vì có một số câu hỏi không thể nào thoả đáp. Ví dụ: Tự do của con người, Tri thức của Thiên Chúa, Tiền định... cho trẻ thấy giới hạn của trí tuệ con người.

- Nếu câu hỏi ngoài vấn đề, nhưng lại quan trọng và ích lợi cho đa số, tính sao? Nếu đa số thích thú muốn được giải đáp, và nếu đủ giờ, thì nên trả lời. Còn nếu đa số đứng đưng, chưa suy nghĩ kịp, hay không đủ giờ, thì hện lại lần sau, hoặc trả lời riêng.

c. Giải thích thêm và gọn lọc câu hỏi

- Có những câu hỏi mà trẻ đặt ra cách vụng về, thiếu mạch lạc, khó hiểu: giáo lý viên hãy gọn lọc, phân tích, sắp xếp cho gọn, dễ hiểu và giúp cho cả lớp thấy tầm quan trọng của vấn đề.

- Giáo lý viên gợi ý: “Em định nói gì, thử tóm ý của em... Em hiểu chữ X theo nghĩa nào? Em có thể cho một ví dụ cụ thể... Có phải ý em muốn nói là...”

5. Cách giải đáp từng loại câu hỏi

Trước khi trả lời, giáo lý viên cần phân định câu hỏi thuộc loại nào, và tìm lời giải thích ứng.

a. Câu hỏi đặt vấn đề về giá trị

Ví dụ: “Tại sao Giáo hội buộc dự Thánh lễ ngày Chúa nhật?”

Loại câu hỏi này do thiếu kiến thức: không biết hoặc không biết đủ. Để trả lời loại này, ta cần phải có kiến thức và biết thông truyền kiến thức.

b. Câu hỏi gợi lên mâu nhiệm

Ví dụ: “Nếu Thiên Chúa tốt lành, tại sao có sự ác?” hoặc “Thiên Chúa biết mọi sự, Ngài biết tôi được cứu độ, vậy tôi đâu còn tự do?”

- Đây là loại câu hỏi đưa đi rất xa, vì liên quan đến mâu nhiệm đức tin. Để giải đáp, không thể chứng minh trực tiếp bằng kiến thức, lý luận, vì là những mâu nhiệm, nên con người không đủ khả năng thấu hiểu như Chúa.

- Giáo lý viên phải uốn nắn những thành kiến, ngộ nhận nếu có. Hãy đem những kinh nghiệm sống, những chứng từ trong cuộc sống, trong Giáo hội cho thấy đã khắc phục khó khăn. Giúp cho trẻ hiểu: một cuộc sống trung tín trong đức tin và cầu nguyện, dần sẽ giải toả được những khó khăn mà trí khôn không thể thấu triệt. Có thứ hiểu biết bằng tâm hồn nhờ ánh sáng của đức tin, của Chúa Thánh Thần.

c. Câu hỏi lạc đề

- Tìm lý do xuất phát câu hỏi, có thể: vì nhàm chán, muốn giải trí, bài không thích thú, xa lạ...

- Giáo lý viên tránh đừng rơi vào “bẫy” của học viên, không nên trả lời, nếu thấy đùa giỡn, câu giờ. Nhắc

cho biết là lạc đề, nhưng sẽ trả lời sau, nếu muốn. Cũng có thể hỏi ngược lại: “Em định trả lời sao?”, giáo lý viên cũng kiểm điểm lại cách dạy, trình độ, sở thích, có thích hợp với trẻ không!

Kết: Hãy sử dụng tốt phương pháp đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. Bạn sẽ thành công nhiều trong nhiệm vụ giáo dục đức tin cho trẻ.

6. Một số ví dụ

Ví dụ 1: chủ đề “*Chúa Giêsu là bánh hằng sống nuôi dưỡng linh hồn ta*”.

Thay vì dùng hình thức thuyết minh (như ví dụ ở phương pháp quy nạp), ta dùng hình thức đặt câu hỏi:

- Mỗi ngày gia đình chúng ta họp nhau dùng bữa mấy lần? - (Ba lần).

- Đó là những bữa nào? - (Sáng, trưa, tối).

- Tại sao chúng ta phải dùng bữa? Bữa ăn giúp ích cho chúng ta như thế nào? - (Để nuôi thân xác, bồi dưỡng sức khoẻ, làm cho ta lớn lên).

- Ngoài thân xác, con người chúng ta còn phần gì nữa? - (Linh hồn)

- Để linh hồn được nuôi sống, lớn lên, linh hồn có cần của ăn không? (Có).

- Vậy của ăn của linh hồn là gì? - (Mình Máu Thánh Chúa Kitô).

- Tại sao ta biết của ăn nuôi sống linh hồn ta là Mình Máu Chúa Kitô? - Vì chính Chúa Giêsu nói: *“Tôi là bánh từ trời xuống, ai ăn bánh này sẽ được sống đời đời. Và bánh tôi sẽ ban chính là thịt tôi đây”* (Ga 6, 51).

Ví dụ 2: chủ đề *“Chúa Giêsu chết trên Thánh Giá”*

- Thường thì người ta có sợ chết không? - (Có).

- Đúng, ai cũng sợ chết, nhưng cũng có trường hợp người ta dám liều chết chứ, phải không các em?

- Các em có biết trường hợp nào có người dám liều chết không?

- Có ai biết ông Lê Lai liều mình chết để cứu vua Lê Lợi không?

- Có ai biết cha Maximilien Kolbe, người Balan, đã liều mình chết thay cho một tù nhân trong thế chiến thứ II không?

- Vậy khi nào người ta dám liều chết ? - (Để cứu người khác, khi cái chết của mình có ích cho người khác).

- Chúa Giêsu đã liều mình chết trên thập giá. Ngài chết cho ai đây? - (cho chúng ta).

- Chúa Giêsu đã chết cho chúng ta, vậy chúng ta được gì ? - (ơn tha thứ, được cứu độ, được sống...)

IV. CẢM NGHIỆM

Khi trình bày chân lý cần lay động tâm tình người nghe, cả tâm hồn lẫn trí tuệ đều được vận dụng trong giờ giáo lý.

Mỗi bài giáo lý có một chủ đề nhất định, không được gộp chung nhiều đề tài khác nhau trong cùng một bài, vì như vậy bài giáo lý sẽ không mạch lạc về mặt nhận thức, và làm phân tán sức chú ý của người nghe.

Sau khi đã ấn định chủ đề giáo lý, cần xác định tâm tình tôn giáo thích hợp với chủ đề đó.

Ví dụ: chủ đề “*Chúa Giêsu quyền phép*”

Tâm tình: “*cảm phục Chúa Giêsu*”.

Trong bài giảng, giáo lý viên cần phải nói thế nào để vừa làm cho các em hiểu Chúa Giêsu quyền phép, vừa làm cho các em cảm phục Ngài từ đáy lòng. Như vậy đã được chủ đích của bài giáo lý.

Muốn áp dụng nguyên tắc cảm nghiệm cần phải phối hợp bài giáo lý với cầu nguyện. Không kể cầu nguyện mở đầu và kết thúc giờ giáo lý, còn phải dùng mấy phút trong chính bài giáo lý ngay sau bài giảng. Phút cầu nguyện này là đỉnh cao của bài giáo lý. Tâm tình khởi động trong bài giảng sẽ sống mãnh liệt và kết thành lời nguyện. Phút cầu nguyện này không dài, nhưng phải là cuộc gặp gỡ thật với Thiên Chúa. Như vậy, trong giờ giáo lý chẳng những nói với các em về Thiên Chúa, nhưng còn giúp các em sống với Thiên Chúa nữa.

V. TIỆM TIẾN

Tiệm tiến trong chương trình và trong cách dạy:

1. Trong chương trình

Mỗi tuổi có một mức độ hiểu biết khác nhau, nhu cầu tâm lý khác nhau. Do đó, phải có một chương trình giáo lý riêng cho mỗi tuổi. Mỗi tuổi có những vấn đề riêng, và ngay trong những vấn đề chung cho tất cả mọi lứa tuổi cũng có cách trình bày riêng cho từng tuổi. Dùng cùng một sách giáo lý chung cho hết mọi độ tuổi vừa trái với qui luật tâm lý và sư phạm, vừa không trung tín với chính Tin mừng.

Đối với mỗi lứa tuổi, phải dạy những gì mà lứa tuổi đó không thể không biết và chỉ dạy những gì mà lứa tuổi đó có thể hiểu được. Cả hai thái độ bất cập và thái quá đều có thể đưa tới chỗ sai lầm về mặt chân lý, và lệch lạc lương tâm về mặt luân lý.

Như đã nói, giáo lý là một công cuộc dài hạn, phải tiếp tục suốt cuộc đời người tín hữu, không thể thu gọn trong vài ba tháng, với chủ đích duy nhất là lãnh nhận các Bí tích. Vì thế, không thể và cũng không cần nhồi vào óc các em trong một thời gian ngắn toàn bộ giáo lý. Trong lãnh vực đức tin không thể vội vã, cần phải có một thời gian hạt giống mới có thể mọc một cách bình thường.

2. Trong cách dạy

Ngay trong cách trình bày một vấn đề cũng phải theo nguyên tắc tiệm tiến: đi từ chỗ đã biết đến chỗ chưa biết, từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, từ đặc thù đến tổng quát, từ toàn thể đến chi tiết...

Như vậy mới thực hiện được một nguyên tắc sư phạm tối quan trọng khác: không được loại trừ những vấn đề khó, nhưng phải trình bày những vấn đề khó một cách dễ hiểu.

VI. VẬN DỤNG TRÍ NHỚ

Phương pháp giáo lý mới chẳng những không loại bỏ việc học thuộc lòng, nhưng còn tăng cường và đặt vào đúng vị trí của nó.

1. Trí nhớ cần thiết

Vận dụng trí nhớ cần thiết cả về hai phương diện sư phạm và giáo dục đức tin:

Sư phạm: hiểu và nhớ liên quan mật thiết với nhau. Điều gì đã hiểu thì dễ nhớ, nhưng ngược lại cũng đúng, có nhiều điều ban đầu người ta chưa hiểu hết ý nghĩa của nó ngay, nhưng nếu được ghi nhớ trong ký ức thì cùng với thời gian, dần dần sẽ khám phá ra ý nghĩa sâu xa của nó.

Giáo dục đức tin: ký ức liên hệ đến đức tin, vì đức tin có một chiều kích lịch sử. Tin là tin vào Thiên Chúa qua những Lời Ngài đã nói và những việc Ngài đã làm trong lịch sử. Do đó, tin cũng có nghĩa là ghi nhớ, muốn tin và nuôi dưỡng đức tin cần phải ghi nhớ những giáo huấn và những kỳ công của Thiên Chúa, ghi nhớ như Đức Maria đã làm ở Nazaret, để suy niệm trong lòng. Nhờ ký ức và suy niệm, người tín hữu càng ngày càng hiểu và đi sâu vào ý định của Thiên Chúa hơn.

2. Phương pháp giáo lý mới

Phương pháp giáo lý mới cải tiến việc vận dụng trí nhớ theo hai hướng:

- Trong phương pháp qui nạp, câu kết luận là câu tóm lược và đúc kết tất cả phần diễn giảng. Vì thế, trong bài giáo lý, câu được chọn để học thuộc lòng chính là câu đúc kết bài giảng giáo lý. Như vậy, lớp giáo lý không mở đầu bằng phần học thuộc lòng, nhưng đúc kết bằng phần này. Giảng bài trước, rồi tóm lược bài giảng trong một câu ngắn gọn, sau cùng cho các em ghi chép và học thuộc lòng luôn câu này. Nếu thuộc và hiểu câu này, các em sẽ nhớ được điểm chính của bài giáo lý.

- Những câu thuộc lòng thường được trích nguyên văn, hoặc tóm lược một cách trung thực, những lời Thánh Kinh hoặc Phụng vụ. Chỉ khi nào không có những lời Thánh Kinh hoặc Phụng vụ trực tiếp liên quan đến chủ đề giáo lý được trình bày, thì mới cần sáng tác. Tuy nhiên, những câu được sáng tác cần ngắn gọn, vững chắc về nội dung nhưng lại dễ hiểu, dễ nhớ. Tuyệt đối tránh những công thức trừu tượng, những danh từ quá chuyên môn vượt tầm hiểu biết của người nghe. Cần phải nắm vững những nguyên tắc căn bản về sư phạm giáo lý: diễn tả những điều khó một cách dễ hiểu.

Trên đây là một số nguyên tắc chủ yếu có tính cách tổng quát. Vì có tính cách tổng quát, nên giáo lý viên chẳng những nắm vững nguyên tắc, nhưng còn phải tìm cách áp dụng nguyên tắc cho linh động cụ thể. Điều này chỉ có thể đạt được nhờ thực hành kinh nghiệm.

BÀI 11:

CHUẨN BỊ VÀ DIỄN TIẾN MỘT GIỜ GIÁO LÝ

A. CHUẨN BỊ

1. Soạn bài

Soạn bài là soạn những gì mình sẽ trình bày trong giờ giáo lý, để giúp các học viên hiểu và sống điều học hỏi. Khi soạn bài giáo lý cần:

- Phải nắm vững chương trình của năm học mà ta đảm trách và toàn bộ chương trình huấn giáo.

- Phải suy gẫm và sống Lời Chúa mà ta sẽ thông truyền cho các học viên: đọc bản văn Lời Chúa và kiểm thảo đời sống.

- Tìm ý chủ lực của bài dạy.

- Xác định tâm tình, thái độ sống và điểm áp dụng.

- Tìm những kinh nghiệm cụ thể thích hợp để khai triển và áp dụng ý chủ lực.

- Tìm trong môi trường sống, Kinh Thánh, sinh hoạt phụng vụ ... Phần này quan trọng vì nó quảng diễn bài giáo lý.

- Soạn lời nguyện và những sinh hoạt thích hợp.

- Chuẩn bị các trợ huấn, dụng cụ cần thiết và thích hợp như: hình ảnh...

- Soạn chương trình sơ lược giờ giáo lý và phân chia nhiệm vụ cho những người cộng tác (nếu có).

2. Sửa soạn khung cảnh

Trước khi bắt đầu giờ dạy, giáo lý viên tới trước để sửa soạn nơi học giáo lý. Điều kiện cơ sở bên ngoài rất quan trọng để tạo điều kiện cho việc đón nhận Tin mừng. Nơi học giáo lý phải sạch sẽ, trật tự, trang nghiêm và thoải mái.

B. DIỄN TIẾN BÀI GIÁO LÝ

I. ỔN ĐỊNH

1. Đón tiếp

- Các giáo lý viên vui vẻ, tươi cười đón tiếp từng phụ huynh (nếu có) và từng em vào lớp học, thăm hỏi phụ huynh các em về gia cảnh, làm quen với từng em, cốt sao cho các em thấy mình được yêu thương và nhập cuộc với mọi người, mau chóng thoát khỏi tâm trạng sợ sệt, xa lạ...

- Đến giờ, giáo lý viên chủ nhiệm chào các em và tự giới thiệu mình và các bạn giáo lý viên khác (nếu có). Giáo lý viên cũng nên giới thiệu tổng quát các học viên (tổng số bao nhiêu, nam - nữ bao nhiêu) với tâm tình vui vẻ và (vỗ tay) chào nhau.

2. Thánh hoá

Giáo lý viên chủ nhiệm hướng dẫn các học viên đứng nghiêm trang, khoanh tay, mắt nhìn lên tượng Chúa (nếu có) hoặc hướng lên bàn Lời Chúa, làm dấu Thánh giá, cùng đọc kinh Lạy Cha, hoặc hát một bài...

3. Ôn lại bài cũ

4. Giới thiệu bài mới

II. NGHE LỜI CHÚA

1. Dẫn Lời Chúa

Bằng một kinh nghiệm sống hay một câu chuyện, giáo lý viên dẫn các học viên vào tâm tình và thái độ đón nghe Lời Chúa: con người lĩnh hội từ những gì cụ thể chung quanh trong đời sống thường ngày, từ đó mới có thể hiểu được những gì trừu tượng, linh thiêng, nhất là đối với tuổi thơ. Đặc tính của phần này là cái gì cụ thể, dễ hiểu, gây hào hứng thích thú đối với các học viên.

2. Công bố Lời Chúa

Đức Gioan Phaolô II trong Tông huấn Dạy giáo lý đã nói: *"Ở trung tâm khoa dạy giáo lý phải có Chúa Giêsu thành Nazareth. Người là Con Một tự Cha mà đến, tràn đầy ân sủng và chân lý. Người là đối tượng khoa dạy giáo lý"* (số 5). Vì thế, Lời Chúa phải được công bố và đón nhận trong giờ giáo lý.

3. Bài giảng

Đi từ Lời Chúa vừa được công bố, giáo lý viên trình bày nội dung giáo lý bằng ngôn ngữ thích hợp với các học

viên, bằng những câu chuyện, những hình ảnh, những câu hỏi đáp đơn sơ... giáo lý viên luôn nhớ là trình bày giáo lý của Chúa Giêsu, chứ không trình bày ý kiến cá nhân mình. Đây là phần đóng góp chủ yếu của giáo lý viên vào việc truyền thông giáo lý cho các em.

Bài giảng là phần chính của lớp học giáo lý. Trình bày nội dung của phần giáo lý. Bài giảng phải đồng thời phải đạt được 2 mục tiêu:

- Trình bày đề tài của bài học. Ví dụ: “*Chúa Giêsu quyền phép*”. Mỗi bài giáo lý chỉ trình bày một chủ đề duy nhất, không được pha trộn với chủ đề khác.

- Khởi gợi tâm tình tôn giáo tương ứng với đề tài bài học. Ví dụ: “*Cảm phục Chúa Giêsu*”.

Bài giảng phải theo phương pháp qui nạp, đi từ một sự kiện hay một câu chuyện cụ thể để rút ra một kết luận, một bài học, và áp dụng vào một vấn đề giáo lý đang trình bày. Vì thế muốn soạn thảo bài giảng phải tìm một sự kiện, hay một câu chuyện cụ thể làm khởi điểm, để trình bày đề tài và khởi gợi tâm tình tôn giáo.

Ví dụ: “*Chúa Giêsu làm sóng gió yên lặng*” (Mt 4,35-41)

- Đề tài: Chúa Giêsu quyền phép
- Tâm tình: Cảm phục Chúa Giêsu
- Khởi điểm: Chúa Giêsu làm sóng gió yên lặng

Một khi xác định được 3 điểm này thì soạn bài giảng tương đối không khó. Bài giảng dài hay ngắn tùy theo lứa tuổi và tùy theo hình thức mình dùng:

- Nếu giảng viên đọc thạo thì ngắn hơn, nếu đối thoại với các học viên thì dài hơn.

- Khi theo cách đọc thạo, bài giảng không được quá 7 phút đối với các em 7 tuổi và không được quá 15 phút đối với các em 12 tuổi.

Sức chú ý của các em có giới hạn, giáo lý viên phải khai thác tối đa khoảng thời gian này, bằng cách cắt bỏ những dư thừa, phụ thuộc, sắp xếp các ý tưởng mạch lạc và chọn những kiểu nói dễ hiểu.

4. Cầu nguyện

Giờ giáo lý không phải là giờ học như các môn học khác: toán, văn, sử... nhưng là giờ các em tiếp xúc với Chúa Giêsu. GẶP GỠ, HIỆP THÔNG với Chúa Giêsu thành Nazareth, Đấng đã sống và dạy chân lý đó. Do đó, sau khi các học viên lắng nghe và hiểu Lời Chúa, giáo lý viên dẫn các học viên đến cầu nguyện.

III. NHỚ LỜI CHÚA

Đây là lúc giúp các học viên nhớ nội dung chính yếu của bài học giáo lý. Các học viên cố gắng thuộc ngay tại lớp giáo lý sau khi đã hiểu tương đối. Các học viên học một lời Kinh Thánh và những câu hỏi-thư.

1. Ghi bài: giáo lý viên cho các học viên chép bài học

2. Tâm niệm

IV. SỐNG LỜI CHÚA

1. Sinh hoạt

Giáo lý viên có thể tùy nghi sử dụng các hình thức sinh hoạt cho hợp với ý chính của bài giáo lý và tâm lý các học viên.

2. Thực hành

Để sống giáo lý, giáo lý viên cố gắng gợi ý giúp học viên thực hiện một hành vi, một việc tốt thích hợp với bài giáo lý. Trong sách học viên có ghi điều thực hành, đây chỉ là đề nghị. Giáo lý viên cần xem xét thực tế của môi trường và tâm lý để gợi lên những việc làm thiết thực.

V. KẾT THÚC

Khi hết giờ giáo lý, giáo lý viên căn dặn học viên vài điều cần thiết về việc học bài, sống bài giáo lý... Sau đó tất cả nghiêm trang đứng dạy tạ ơn Chúa với lời kinh ngắn:

- Kinh sáng danh
- Hoặc một kinh khác hay lời cầu nguyện tự phát

Giáo lý viên cũng nên tập cho các em biết chào giáo lý viên, và giáo lý viên cũng vui vẻ chào lại.

BÀI 12: DẪN VÀO LỜI CHÚA VÀ CÔNG BỐ LỜI CHÚA

Giáo lý trình bày Lời Thiên Chúa. Lời Thiên Chúa chính là nội dung của giáo lý. Lời này được ghi lại trong Thánh Kinh. Do đó, Thánh Kinh là nguồn mạch chủ yếu của giáo lý. Giáo lý càng gần Thánh Kinh bao nhiêu càng phong phú và vững chắc bấy nhiêu. Trong bài này chúng ta nói tới phần “*Dẫn vào Lời Chúa*” và phần “*Công bố Lời Chúa*” trong tiết dạy giáo lý.

I. DẪN VÀO LỜI CHÚA

A. Mục đích: phần “*Dẫn vào Lời Chúa*” có mục đích giúp các học viên chuẩn bị tâm hồn lắng nghe Lời Chúa sắp được công bố.

B. Phương Pháp: chúng ta dùng một câu chuyện, một sự kiện, hay một biến cố liên quan tới đoạn Thánh Kinh sắp công bố, để chuẩn bị tâm hồn các học viên lắng nghe Lời Chúa.

C. Phân loại chuyện kể: chúng ta có thể phân chia chuyện kể thành bốn thể loại.

1. *Chuyện Thánh Kinh*

Trong Thánh Kinh Cựu và Tân ước có rất nhiều câu chuyện để dẫn vào Lời Chúa. Những chuyện này dùng để trình bày giáo lý thì rất tốt, thích hợp nhất nhờ tính

chất và nội dung tôn giáo của chúng. Hơn nữa, việc chuyển từ câu chuyện sang áp dụng Lời Chúa vào đề tài giáo lý lại rất dễ dàng, tự nhiên và mạch lạc.

Ví dụ:

Cựu ước: - Chuyện Cain và Abel: Thiên Chúa thấu biết mọi sự.

- Noe và đại hồng thủy: Thiên Chúa không chấp nhận tội lỗi.

Tân ước: - Bão táp yên lặng (Mc 4, 25-31): Chúa Giêsu quyền phép. Phải có lòng tin khi gặp thử thách.

- Người biệt phái và người thu thuế cầu nguyện (Lc 18): Thiên Chúa nhận lời kẻ khiêm nhường.

2. Chuyện lịch sử Giáo hội và hạnh các thánh

Đây cũng là kho tàng chứa đựng nhiều câu chuyện để trình bày các đề tài giáo lý. Tuy nhiên, cần trung thực, nên tránh những chi tiết ly kỳ, huyền thoại, phi lịch sử có thể làm hại đức tin cho trẻ sau này. Nên chọn lựa kỹ lưỡng, trình bày khéo léo và ứng dụng hợp lý.

Ví dụ:

- Cuộc đời Thánh Phaolô: ơn gọi làm tông đồ.

- Cuộc đời Thánh Phanxicô Xaviê: lòng nhiệt thành yêu mến các linh hồn và mở rộng Nước Chúa.

- Cuộc đời Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu: tinh thần phó thác và cậy trông.

3. Chuyện ngụ ngôn, chuyện đời xưa, chuyện cổ tích

Đây là kho tàng văn hóa dân gian, qua lối nói văn chương, những câu chuyện này tiềm ẩn những bài học sâu sắc. Khi chọn những câu chuyện này, chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa của câu chuyện để việc dẫn vào Lời Chúa không gượng ép lạc đề.

4. Những chuyện đời thường hay thời sự

Những câu chuyện xảy ra hàng ngày, những biến cố thời sự cũng có thể dùng để dẫn vào Lời Chúa. Tuy nhiên, khi sử dụng chúng, cần hội đủ hai điều kiện:

- Thích hợp với đoạn Lời Chúa sắp công bố.
- Có thể chuyển mạch từ câu chuyện sang Lời Chúa cách dễ dàng, không gượng ép giả tạo.

Ví dụ: - Gương hy sinh tận tụy của một người mẹ

- Lòng tốt của một cậu bé.

D. Nguyên tắc chọn và sử dụng chuyện kể (có bốn nguyên tắc)

1. Lên chương trình cẩn thận

Câu chuyện được chọn phải ăn khớp với ý chính của đoạn Lời Chúa sắp công bố và bài học giáo lý.

2. Chọn chuyện hợp với tâm lý lứa tuổi

Chúng ta có thể dùng các loại truyện trên để dẫn vào Lời Chúa, nhưng hãy chọn loại truyện nào phù hợp, dễ hiểu với từng lứa tuổi.

- Từ 4 tới 8 tuổi thích: truyện thú vật, cổ tích, thần thoại.

- Từ 9 tới 12 tuổi thích: truyện phiêu lưu viễn tưởng, anh hùng, truyền thống.

- Từ 13 tới 18 tuổi thích: truyện dũng cảm, thiên nhiên, thời sự.

3. Chuẩn bị kể chuyện cẩn thận

Cần đọc trước câu chuyện mà chúng ta muốn sử dụng. Cố tìm cái hay, cái đẹp, ý nghĩa của câu chuyện. Nếu chính chúng ta không cảm thấy hứng thú thì các học viên cũng sẽ cảm thấy như thế, nên đừng chọn.

4. Đừng “lên lớp”: hãy kể chuyện như là truyện, đừng vội nhấn mạnh đến những điểm chính hoặc tính cách luân lý của câu chuyện.

E. Nghệ thuật kể chuyện

Kể chuyện là nghệ thuật để lôi cuốn sự chú ý của người nghe vào Lời Chúa sắp công bố, để minh họa bài học giáo lý thêm dễ hiểu, dễ nhớ. Nó là một kỹ năng cần thiết của giáo lý viên. Vì thế, cần thiết phải nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật kể chuyện.

1. Chuyện kể hay phải có các yếu tố sau đây:

a. Có nội dung hay và tính hấp dẫn: đối thoại, mô tả, gợi cảm.

b. Cảm hứng ngay từ đầu và có kết thúc linh hoạt, không dài dòng.

c. Liên quan đến người nghe: rút được bài học, dẫn đến chân lý.

2. Người kể chuyện hay và hấp dẫn cần phải:

- a. Thích câu truyện và muốn người khác nghe.
- b. Nắm vững kết cấu câu truyện.
- c. Chuẩn bị truyện cách chu đáo, có thể bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.
- d. Biết thay đổi giọng nói cho phù hợp với tình tiết, rõ ràng, nhanh, chậm, to, nhỏ, vừa.

F. Câu chuyển mạch

Câu chuyện có mục đích giúp cho người nghe chuẩn bị tâm hồn lắng nghe Lời Chúa sắp công bố. Nên từ cuối câu truyện, ta phải có một vài câu chuyển mạch để giới thiệu Lời Chúa các học viên sắp nghe.

Nội dung câu chuyển mạch bao gồm:

- Ý chính của câu truyện.
- Ý chính của đoạn Lời Chúa sắp công bố.
- Mời các học viên đứng lên lắng nghe Lời Chúa.

G. Một vài lưu ý

Câu truyện luôn là và chỉ là một phương tiện giúp các học viên chuẩn bị lắng nghe Lời Chúa và bài học giáo lý, nên:

- Cần ngắn gọn, không nên sa đà vào câu chuyện.
- Hãy loại bỏ các ý phụ, chọn những ý chính liên quan.

- Không giải thích, rút ra bài học từ câu chuyện. Chúng ta chỉ kể chuyện mà thôi và dùng một vài câu chuyển tiếp dẫn vào Lời Chúa các học viên sắp nghe.

Ví dụ 1: Bài “*Thiên Chúa chọn Áp-ra-ham*”

(Lời Chúa: St 12, 1-24)

Dẫn vào Lời Chúa:

1. *Câu Chuyện : Hạnh các thánh.*

Thánh Phanxicô Paola (lễ kính ngày 2 tháng 4) từ nhỏ luôn vâng lời cha mẹ. Một hôm, khi đang cầu nguyện, mẹ Ngài nói: “*Con cầu nguyện lâu rồi đấy, hãy ra ngoài giải trí đôi chút*”. Ngài đáp lại : “*Mẹ biết con rất thích nói chuyện với Chúa, nhưng con xin vâng lời mẹ dạy*”.

2. *Câu chuyển mạch.*

Các em thân mến, vâng lời cha mẹ là một điều đáng quý, nhưng vâng lời Chúa lại càng quý hơn. Lời Chúa các em sắp nghe sẽ cho các em một mẫu gương về vâng lời Thiên Chúa. Mời các em đứng lên lắng nghe Lời Chúa.

- Đọc Lời Chúa: St 12, 1-24

Ví dụ 2: Bài “*Chúa Giêsu rất quyền phép*”

(Lời Chúa : Mt 8, 23-27)

Dẫn vào Lời Chúa.

1. *Câu chuyện: Thánh Kinh Tân ước*

Sách Tông Đồ Công Vụ kể lại rằng một hôm khi Thánh Phêrô và Thánh Gioan lên Đền thờ cầu nguyện, thì một người què từ khi lọt lòng mẹ ăn xin ở bên cửa Đền thờ đã xin các ngài bố thí. Bấy giờ Thánh Phêrô nói: *“Vàng bạc thì tôi không có, nhưng tôi cho anh cái tôi đang có đây: Nhân danh Đức Kitô, người Nazareth, anh đứng dậy mà đi”*. Lập tức bàn chân và xương mắt cá của anh trở nên cứng cáp. Anh đứng phắt dậy và đi lại được. Anh cũng vào Đền thờ vừa đi vừa nhảy nhót mà ca tụng Thiên Chúa (x. Cv 3, 1-10).

2. Câu chuyện mạch:

Các em thân mến, qua Thánh Phêrô, Chúa Giêsu phục sinh đã làm phép lạ. Ngài thật quyền phép! Khi còn sống ở trần gian Chúa Giêsu cũng đã làm phép lạ. Đoạn Lời Chúa các em sắp nghe, kể lại một trong các phép lạ Chúa đã làm, sẽ cho các em thấy Ngài rất quyền phép. Mời các em đứng dậy lắng nghe Lời Chúa.

II. CÔNG BỐ LỜI CHÚA

1. Cách công bố Lời Chúa

Cũng như phần phụng vụ Lời Chúa trong Thánh lễ, người đọc Lời Chúa làm như sau:

- Mở đầu bằng : “Bài trích sách. ..”
- Đọc Lời Chúa.
- Kết thúc bằng: “Đó là Lời Chúa”.

2. Người công bố Lời Chúa và người nghe Lời Chúa

Chính giáo lý viên hay một học viên công bố Lời Chúa. Để việc công bố Lời Chúa được nghiêm trang và sinh hiệu quả, người công bố phải xem trước đoạn Lời Chúa. Khi công bố, người đọc đọc to tiếng, chậm rãi, rõ ràng. Giáo lý viên cho các học viên đứng nghiêm trang, yên lặng và cung kính khi nghe Lời Chúa.

3. Giá để sách Thánh Kinh

-Nên có một giá để sách Thánh Kinh.

-Sau khi công bố xong, quay sách Thánh Kinh hướng về các em học sinh.

-Nên có một ngọn nến cháy sáng và một bình hoa nhỏ ở giá sách để các em ý thức sự hiện diện của Chúa nơi Lời Chúa và chính Chúa đang nói với các em.

BÀI 13: CẦU NGUYỆN TRONG BÀI GIÁO LÝ

I. MỤC ĐÍCH

Dạy giáo lý là truyền đạt đức tin, truyền thông sự sống. Chỉ có Thiên Chúa mới có thể ban đức tin và sự sống. Nên mục đích của việc dạy giáo lý là giúp các học viên gặp gỡ và kết hợp với Chúa. Có thể nói, cả giờ giáo lý là một cuộc gặp gỡ Chúa. Cao điểm của việc gặp gỡ Thiên Chúa là giây phút cầu nguyện. Cầu nguyện vừa là phương thế giúp các học viên gặp gỡ Thiên Chúa trong suốt giờ học giáo lý, vừa là cao điểm của giờ giáo lý. Do đó, cầu nguyện có một vai trò hết sức quan trọng trong giờ học giáo lý.

Trong diễn tiến một giờ dạy giáo lý, có 3 lần cầu nguyện: cầu nguyện đầu giờ, cầu nguyện giữa giờ và cầu nguyện cuối giờ. Mỗi phần cầu nguyện đều có ý hướng, nội dung khác nhau. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu từng phần cầu nguyện.

II. CÁC PHẦN CẦU NGUYỆN

1. Cầu nguyện đầu giờ

Cầu nguyện đầu giờ có mục đích giúp các học viên đi vào cuộc gặp gỡ với Chúa trong giờ học giáo lý, và xin Chúa soi sáng cho mình trong giờ học giáo lý bằng cách:

- Đặt các học viên trước sự hiện diện của Chúa.
- Giúp các học viên nhận ra giờ học giáo lý chính là thời gian đến với Chúa để học cùng Chúa.
- Xin Chúa thánh hoá giờ học giáo lý.

2. Cầu nguyện giữa giờ

Cầu nguyện giữa giờ là đỉnh cao của giờ học giáo lý. Lý do là sau khi các học viên đã nghe Chúa nói qua việc công bố Lời Chúa, đã hiểu Lời Chúa qua phần giải thích Lời Chúa, đã tiếp nhận lời mời gọi của Chúa với tất cả tâm tình, các học viên hẳn có nhiều điều muốn nói với Chúa, muốn đi vào cuộc đối thoại trang nghiêm thân tình với Chúa.

3. Cầu nguyện cuối giờ

Cầu nguyện cuối giờ có hai mục đích:

- Cảm ơn Chúa vì Chúa đã soi sáng trong giờ học vừa xong.
- Xin Chúa giúp các học viên sống điều quyết tâm đã chọn.

Nếu như phần cầu nguyện đầu giờ giúp các học viên từ cuộc sống bước vào cuộc gặp gỡ với Chúa trong giờ học giáo lý, thì phần cầu nguyện cuối giờ hướng các học viên đến một cuộc gặp gỡ khác với Chúa qua việc

sống Lời Chúa trong đời thường. Nhờ đó, toàn bộ cuộc sống các học viên sẽ là lời cầu nguyện liên li.

III. CÁCH THỨC CẦU NGUYỆN

Để các giây phút cầu nguyện trong giờ giáo lý không trở thành những thói quen không hồn, tránh được sự nhàm chán... Chúng ta cần lưu ý tới những điểm sau đây:

1. Thái độ khi cầu nguyện

Khi giúp các học viên cầu nguyện, chúng ta giúp các học viên xác định vị trí của mình đối với Chúa.

a. Thái độ thụ tạo: mọi sự, kể cả bản thân ta, đều do Chúa tác tạo, yêu thương, nên thái độ phải có là tôn thờ, ca tụng, biết ơn Chúa.

b. Thái độ người con: nhờ Chúa Giêsu, ta được trở nên con Thiên Chúa. Tâm tình của người con là yêu mến, kính trọng, vâng phục, phó thác vào Cha như tâm tình của Chúa Giêsu.

c. Thái độ tội nhân: tin vào Thiên Chúa là Cha, Đấng giàu lòng thương xót, nhân từ, ta hãy khiêm tốn xin ơn tha thứ.

Để sống các thái độ này, khi cầu nguyện ta cần có tâm tình: thờ lạy, cảm ơn, xin lỗi và xin ơn.

2. Điều kiện để cầu nguyện

a. Đặt mình trước sự hiện diện của Chúa: cầu nguyện là gặp gỡ, nói chuyện với Chúa, nên cần ý thức sự hiện diện của Chúa.

b. Có gì để nói với Chúa: cầu nguyện không phải là đọc vài kinh hay hát một bài cho xong, nhưng cần có vài điều riêng tư trong lòng để nói với Chúa: chúc tụng, cảm ơn, xin lỗi, xin ơn.

c. Lắng nghe tiếng Chúa nói, đây là điều thường bị “*bỏ quên*”. Cầu nguyện còn là lắng nghe Chúa nói nữa. Chúa nói với ta qua lương tâm, những câu Thánh Kinh ...

3. Cách thức diễn tả tâm tình khi cầu nguyện

a. Cử điệu: Khi giúp các học viên cầu nguyện, giáo lý viên nên tùy theo nội dung, để có những cử chỉ thích hợp diễn tả tâm tình của các học viên, cũng tạo sự nghiêm trang, hiệu quả khi cầu nguyện.

- Bái gối-cúi mình: có ý nghĩa chúng con thật nhỏ bé trước Thiên Chúa cao cả.

- Trong lúc cầu nguyện:

+ Nâng hai tay lên: khẩn khoản nài xin.

+ Nhắm mắt: chú trọng đến Đấng vô hình không thể nhìn thấy bằng đôi mắt thể xác.

+ Im lặng: lắng nghe tiếng Chúa thôi thúc trong tâm hồn.

+ Chắp tay: Chúa ban cho con tất cả, này toàn thân con hướng về Chúa.

b. Lời nói: nên dựa vào những câu Kinh Thánh hoặc phụng vụ để dọn lời cầu nguyện, vì khi cầu nguyện cần có ơn Chúa Thánh Thần. Nếu không có Thánh Thần dạy dỗ và gợi cảm hứng, chúng ta không thể thưa với Thiên Chúa một điều gì có ý nghĩa. Chính Chúa Thánh Thần đã dùng Thánh Kinh và Phụng vụ dạy ta thưa chuyện với Chúa.

4. Các hình thức cầu nguyện trong giờ giáo lý

a. Lặp lại to tiếng lời cầu nguyện: giáo lý viên đọc lớn từng câu ngắn, các em lặp lại to tiếng. Hình thức này thích hợp với các em từ 7-8 tuổi.

b. Lặp lại thầm lời cầu nguyện: giáo lý viên đọc lớn từng câu ngắn, các em lặp lại thầm câu đó. Đây là cách tập cho các em nội tâm hoá lời cầu nguyện. Hình thức này hợp hơn với các em 9-12 tuổi.

c. Học viên âm thầm cầu nguyện theo lời nguyện của giáo lý viên: giáo lý viên chậm rãi đọc lời cầu nguyện, các em âm thầm cầu nguyện theo, các em cùng thưa “Amen” khi kết thúc lời nguyện. Hình thức này thích hợp với các em 9-18 tuổi .

d. Đọc một kinh hay hát một bài hát thích hợp với nội dung bài giáo lý: giáo lý viên hướng ý trước, gợi tâm tình trước rồi các em mới đọc kinh hay hát.

e. Giáo lý viên gợi tâm tình và đề tài, các học viên tự cầu nguyện theo tâm tình và đề tài đó.

f. Cầu nguyện theo kiểu lời nguyện tín hữu trong Thánh lễ: giáo lý viên gợi ý, một số học viên xướng lên một ý nguyện, có thể dọn sẵn hoặc tự phát, tất cả thưa: Xin Chúa nhận lời chúng con-giáo lý viên kết thúc bằng lời nguyện chung, các em cùng thưa Amen–Hình thức này thích hợp với các em từ 13-18 tuổi.

IV. GIÁO LÝ VIÊN DẠY CÁC HỌC VIÊN CẦU NGUYỆN

1. Chính giáo lý viên hãy trở nên người cầu nguyện

Cầu nguyện nhiều trong cuộc sống, nuôi dưỡng tâm tình cầu nguyện mọi nơi, mọi lúc.

2. Thái độ của giáo lý viên khi dạy cầu nguyện

Giáo lý viên cần có thái độ trang nghiêm “như thấy Đấng vô hình” khi giúp các học viên cầu nguyện. Vì thế, giáo lý viên không thể giúp các học viên cầu nguyện trong thái độ giận dữ, quát nạt, lo ra, lảng xãng... Hãy bộc lộ nét trang nghiêm, cung kính trong lúc cầu nguyện. Nếu cần sửa lỗi các học viên đang lo ra, chơi giỡn trong lúc cầu nguyện thì chờ đến khi đã cầu nguyện xong.

3. Tập cho các học viên cầu nguyện theo diễn tiến

- Đặt mình trước mặt Chúa.
- Gợi tâm tình: thờ lạy, cảm ơn, xin lỗi, xin ơn.
- Tìm lời và cử chỉ thích hợp để diễn tả tâm tình.

V. CÁCH SOẠN MỘT LỜI CẦU NGUYỆN

Khi soạn một lời cầu nguyện, ta cần nắm vững mục đích, nội dung của lời cầu nguyện: đầu giờ, giữa giờ hay cuối giờ. Phần cầu nguyện đầu và cuối giờ, ta có thể soạn cách đơn sơ dễ hiểu, đúng nội dung và mục đích. Còn phần cầu nguyện giữa giờ-phút cao điểm của giờ giáo lý, ta nên soạn kỹ hơn, phù hợp với nội dung bài giáo lý. Sau đây là cách soạn lời cầu nguyện giữa giờ.

Ta soạn theo mẫu những lời nguyện phụng vụ của Giáo hội, lời nguyện này có năm phần:

1. Nêu danh xưng: Lạy Chúa hoặc Lạy Cha, Lạy Chúa Giêsu, Lạy Chúa Thánh Thần...

2. Lý do xin ơn: thường dựa vào một lời Chúa nói, một việc Chúa làm hay từ một biến cố cuộc sống.

3. Diễn tả nội dung ơn xin: Muốn xin ơn gì ?

4. Chủ đích xin ơn: Xin ơn đó để làm gì? (Có hai chủ đích)

Chủ đích 1: ích lợi cho con người, bản thân, gia đình, xã hội, Giáo hội.

Chủ đích 2: làm vinh danh Chúa.

5. Kết thúc: có 2 cách

Nếu phần nêu danh xưng là “Lạy Chúa” hay “Lạy Cha”, “Lạy Chúa Thánh Thần”, thì kết thúc bằng câu: Chúng con cầu xin nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Amen.

Nếu phần nêu danh xưng là Lạy Chúa Giêsu thì kết thúc bằng câu: Chúng con cầu xin Chúa là Đấng hằng sống hằng trị muôn đời. Amen.

Ví dụ : Lời nguyện mẫu 1

1. Nêu danh xưng: Lạy Cha,

2. Lý do xin ơn: Cha không muốn kẻ có tội phải hư mất, nhưng muốn họ hối cải để được sống.

3. Nội dung xin: xin cho những người đang lìa xa Cha được nghe tiếng Cha kêu mời trở lại trong mùa Chay thánh này.

4. Chủ đích xin ơn:

Chủ đích 1: để họ được hưởng nhờ ơn cứu độ của Cha.

Chủ đích 2: và làm sáng tỏ lòng nhân hậu hay tha thứ của Cha.

5. Kết thúc: Chúng con cầu xin, nhờ Đức Kitô con Cha, Chúa chúng con – Amen.

Lời nguyện mẫu 2: Bài “Chúa Giêsu làm việc”

Nêu danh xưng: Lạy Chúa,

Lý do xin ơn: Chúa đã tạo dựng chúng con có trí khôn để suy nghĩ, có trái tim để yêu thương, có đôi tay để làm việc, có đôi chân để chạy nhảy vui chơi, đến trường, đến nhà thờ, có miệng lưỡi để nói năng, để ca tụng Chúa.

Nội dung ơn xin: Xin cho chúng con biết dùng những khả năng Chúa ban,

Chủ đích ơn xin.

- Chủ đích 1: để làm vinh danh Chúa
- Chủ đích 2: và giúp ích cho mọi người.

Kết thúc: Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô Chúa chúng con. Amen.

BÀI 14: SINH HOẠT GIÁO LÝ

I. MỤC ĐÍCH

1. Ghi nhớ nội dung

Phần sinh hoạt cũng nhằm giúp các học viên ghi nhớ những gì vừa học. Do đó, phần sinh hoạt này phải được lựa chọn phù hợp với nội dung bài giáo lý.

2. Tạo bầu khí vui tươi trong giờ giáo lý

Ở lứa tuổi xưng tội, Rước lễ các em chỉ có thể cầm trí được 20 phút, tối đa là 30 phút. Do đó, sau khi các em đã gặp Chúa trong phần cầu nguyện giữa giờ, nghĩa là đã học nửa giờ giáo lý, giáo lý viên cho các em sinh hoạt để tâm trí các em được thư giãn, thoải mái hầu có thể tiếp tục học hỏi tốt hơn ở nửa giờ giáo lý còn lại.

II. CÁC HÌNH THỨC SINH HOẠT TRONG GIỜ GIÁO LÝ

Vì thời gian sinh hoạt rất ngắn, khoảng 10 phút và không gian sinh hoạt là phòng học, nên chúng ta chỉ lựa chọn các hình thức sinh hoạt đơn giản sau đây: băng reo, trò chơi nhỏ, bài hát.

1. Băng reo

Chúng ta sáng tác băng reo dựa theo nội dung bài Giáo lý và theo một trong các thể loại sau đây:

a. Các học viên lặp lại theo người điều khiển, thêm cử điệu

Ví dụ :

- Người điều khiển (NĐK): Chúa đã về.
- Tất cả (TC) lặp lại: Chúa đã về (vỗ tay 3 cái).
- NĐK- Trên phố phường – TC: lặp lại (bước vào 3 bước)
- NĐK- Trên làng quê – TC: lặp lại (bước thêm vào 3 bước).
- NĐK- Trên quê hương Việt Nam – TC: bước ra 6 bước, vung tay và la lên: A !

b. Người điều khiển chỉ nói 1 câu, tất cả nói câu khác.

Ví dụ:

- NĐK: Chúa ở đâu ? TC: Trong anh (chỉ vào người bên cạnh).
- NĐK: Chúa ở đâu ? TC: Trong tôi (chỉ ngực).
- NĐK: Chúa ở đâu ? TC: Trên trời (chỉ lên trời).
- NĐK: Chúa ở đâu ? TC: Khắp mọi nơi (xoay tròn).

c. Người điều khiển nêu nhiều ý, tất cả chỉ lặp lại một câu :

Ví dụ:

- NĐK: Ta vui - TC: bên nhau (vỗ tay 2 cái)
- NĐK: Ta múa - TC: bên nhau (vỗ lên đùi hai cái)
- NĐK: Ta hát - TC : bên nhau (hai tay lên vai)

-NĐK: Tất cả - TC : bên nhau.

d. Người điều khiển nêu ý, tất cả cùng bỏ tấc ý

Ví dụ:

-NĐK: Sống trên đời - TC: Phải có bạn (giơ hai tay hình chữ V).

-NĐK: Không có bạn - TC: Buồn chết đi (chấp tay)

-NĐK: Nhưng phải chọn - TC: Người bạn tốt (nắm tay người bên cạnh)

2. Trò chơi

a. *Định nghĩa:* Trò chơi là một cuộc vận động sinh hoạt.

- Do một người tổ chức.
- Cho một số người tham gia.
- Theo một quy ước có hướng dẫn.
- Trong một thời gian nhất định.
- Tại một nơi chốn.

b. *Mục đích:*

- Giúp xây dựng bầu khí vui tươi, rèn luyện sự khéo léo và giáo dục chiều sâu nội tâm.

- Đối với giáo lý, trò chơi còn giúp ghi nhớ nội dung giáo lý.

-Trò chơi góp phần giáo dục:

+ Về nhân bản: Trò chơi giúp nhận thức kỷ luật tập thể, tính trung thực, ý chí cương quyết.

+ Về thiêng liêng: Trò chơi có tính tôn giáo hình thành ý niệm Thiên Chúa và tha nhân, thêm yêu mến Thánh Kinh, lời mời gọi của Chúa.

c. Điều khiển trò chơi

Giáo lý viên là người quản trò, người điều khiển cuộc chơi. Để thành công nên cân nhắc chọn lựa trò chơi cho thích hợp với không gian, nội dung bài giáo lý, lứa tuổi và số người tham dự.

Quản trò lưu ý tới 4 bước sau đây:

- Chuẩn bị trò chơi: Xác định Địa điểm; Phân công cụ thể các công việc; Chuẩn bị các dụng cụ chơi cho chu đáo.

- Hướng dẫn trò chơi:

*Giới thiệu tên trò chơi, phổ biến luật chơi.

*Nên có câu chuyện hoặc Lời Chúa để dẫn vào trò chơi.

*Ở từng điểm nên hỏi lại xem mọi người đã hiểu, đã nắm vững luật chơi chưa.

*Đề nghị chơi thử, nháp một hai lần cho chắc chắn, cũng là tạo bầu khí lôi cuốn vào cuộc chơi.

- Diễn tiến trò chơi:

Đang khi tiến hành cuộc chơi, Quản trò phải chú ý đến các tính cách sau đây, liên quan đến tâm lý người chơi:

+ Luôn nhắc nhở, nêu cao tinh thần tự giác, trung thực.

+ Khéo léo khuyến khích những em nhút nhát chưa quen sinh hoạt.

- Kết thúc trò chơi:

Khi trò chơi chấm dứt, cần lưu ý đến các điểm sau đây:

Tuyên bố kết quả trò chơi cho công bằng, khen người thắng và khuyến khích người thua.

Nên vấn tắt nêu ý nghĩa trò chơi vừa chơi xong, ý nghĩa nhân bản và ý nghĩa hướng về nội dung bài giáo lý.

Ví dụ: Tên trò chơi “*Chúa gọi, dạ con đây*”

+ Thể loại: Trò chơi vận động nhẹ trong phòng hoặc ngoài trời, dành cho 15 tới 30 em.

+ Rèn luyện: Sự chú ý để phản xạ theo đúng thứ tự.

+ Giáo dục: Tinh thần sẵn sàng, luôn tỉnh thức trước thánh ý Thiên Chúa qua mọi biến cố cuộc đời.

+ Luật chơi: Tất cả ngồi vòng tròn nếu ở ngoài trời – hoặc ngồi yên tại bàn học nếu ở trong phòng học, đếm số từ 1, 2, 3, cứ 3 người thành một tổ, mỗi tổ chọn tên một vị Thánh nam hoặc Thánh nữ có hai âm ví dụ: Gioan, Luca, Anna...

Quản trò mở đầu bằng cách hô: Chúa gọi Gioan.

Tổ nào mang tên Gioan sẽ đáp lại tuân tự như sau:

- Người số 1 đứng lên thưa: “Dạ”
- Người số 2 đứng lên thưa: “Con”
- Người số 3 đứng lên thưa: “Đây”
- Người số 1 ngồi xuống nói: “Chúa”
- Người số 2 ngồi xuống nói: “Gọi”
- Người số 3 ngồi xuống nói: “Luca”

Tổ nào mang tên Luca lại đáp lại tuần tự như trên. Tổ nào làm sai, thưa chậm coi như bị loại.

Tổ nào gọi tên những tổ bị loại cũng bị loại luôn.

Khi chỉ còn một tổ, quản trò nhắc nhở: “*Các bạn thấy không, khi Chúa gọi, ta phải luôn luôn sẵn sàng để đáp trả...*”

3. Bài hát

a. Giá trị bài hát

- Bài hát có thể dùng trong việc giảng dạy giáo lý như một phương tiện sư phạm sinh động và có hiệu quả cao.

- Bài hát có khả năng chuyển tải ý nghĩa một chủ đề giáo dục nhân bản hoặc một bài giáo lý.

- Bài hát có thể nhanh chóng gây dựng được bầu khí vui tươi cho lớp học, tập thể.

b. Cách chọn bài hát

- Phù hợp với chủ đề, nội dung bài giáo lý.

- Phù hợp với lứa tuổi.

c. Phương pháp tập hát

- Hát trước bài hát 2, 3 lần cho mọi người nghe quen tai.

- Sau đó tập từng câu.

- Vừa hát vừa cắt nghĩa từng câu của bài hát một cách lý thú và sinh động.

- Với các em lứa tuổi ấu nhi, thiếu nhi nên có cử điệu đi kèm.

BÀI 15: TÂM LÝ SỰ PHẠM

I. KHÁI NIỆM TÂM LÝ

Tâm lý được hiểu như chính là đời sống con người, với những hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ, với những hoạt động của trí tuệ, tình cảm, biểu hiện qua thể xác, tinh thần và xã hội tính của mỗi người.

- Khoa tâm lý học là khoa học nghiên cứu về con người, với những suy tư và hành động, cảm nhận và tác động, bên ngoài và bên trong. Tất cả được quan sát, mô tả, giải thích, đối chiếu với thực tế, làm thành kinh nghiệm chung của xã hội, của nhân loại.

- Khoa tâm lý sư phạm là tâm lý học được ứng dụng vào việc giáo dục đào tạo, giúp ta hiểu rõ hơn những đặc điểm và sự phát triển tâm lý của con người, nhờ đó, ta biết chọn lựa những phương pháp giáo dục thích ứng với tâm lý con người, trong từng giai đoạn tuổi.

II. ĐẶC TÍNH CỦA CÁC CUỘC TIẾN TRIỂN TÂM LÝ

Từ ngày lọt lòng mẹ cho đến tuổi thanh niên, con người tiến triển liên tục. Bao lâu còn sống là còn thay đổi (tăng trưởng, phát triển, thoái hóa). Sự phát triển bao gồm 3 phần:

- Thể xác: phát triển chiều cao, trọng lượng, bộ não và sự phối hợp vận động giữa các bộ phận.

- Trí tuệ: phát triển về nhận thức (tư tưởng) như: ngôn ngữ, trí nhớ, óc tưởng tượng, tư duy.

- Xã hội tính: những quan hệ giao tế xã hội ngày càng nhiều hơn.

Tính cách các cuộc tiến triển thường theo một đường gấp khúc, phân từng giai đoạn, mỗi giai đoạn có hai tiết:

- *Tiết khủng hoảng*: như cua thay vỏ, bỏ đời sống trước và hấp thụ cái mới. Giai đoạn khủng hoảng thường khoảng 1 năm hay hơn nữa.

- *Tiết thăng bằng*: là thời gian để sắp đặt lại điều đã hấp thụ trong thời khủng hoảng. Tiết êm dịu này dài 2-3 năm. Tuy thế, không phải là êm dịu hẳn một mực, mà còn bị ảnh hưởng của cơn khủng hoảng kế tiếp, nên chỉ có 1 năm yên tĩnh.

Cuộc khủng hoảng và thăng bằng đó có tính cách toàn diện, vì đời sống là duy nhất, nên mỗi lần xáo trộn là xáo động tất cả và sắp đặt lại tất cả như: tâm tình, ý tưởng, tập quán, hành động, cách ứng xử xã hội...

III. CÁC GIAI ĐOẠN TIẾN TRIỂN

1. Từ bé mới sinh đến 3 tuổi

Ban đầu lẫn lộn cả nội giới, ngoại giới, dần dần mới phân biệt mình khác ngoại giới. Nhờ cảm giác, bé

nhận thức các sự vật bên ngoài. Khám phá ra sự vật nhờ cảm giác. Từ 18-20 tháng - thời kỳ thuận tiện nhất để học tiếng mẹ đẻ, nhờ đó các em biết rõ ý niệm sự vật. Hai tuổi, bé luôn luôn hỏi: cái gì đây mẹ? Nhưng chỉ biết sự vật cách rời rạc.

2. Đến 3-4 tuổi, cuộc khủng hoảng đầu tiên

Các em nhận thức đời sống đối nội, em là một nhân vật, nên bướng bỉnh. Tuổi này mẹ nói gì cũng không. Em nói không để tỏ ra em có một đời sống riêng biệt, không muốn lệ thuộc ai. Tuổi này cũng là tuổi tìm hiểu liên lạc giữa các vật hữu hình, nên cái gì cũng hỏi: cái này để làm gì? Tại sao?

3. Từ 4-7 tuổi là một thời gian êm dịu

Các em sống trong một thế giới tưởng tượng, em nhìn mọi cái chung quanh đều sống, đều có hồn như em. Với quan niệm vị kỷ, em tự đặt mình làm trung tâm sự sống, lúc nào cũng mình. Ai ngoan nhất? Con .v.v... Với quan niệm tình cảm, em quan niệm mọi sự dưới khía cạnh thương - ghét và vui - buồn.

Tất cả tâm tình đó cùng diễn ra trong đời sống tôn giáo của em. Em nhân cách hóa Chúa và mọi thực tại linh thiêng, thấy Chúa hoạt động trong mọi sự. Em sống nhiều về tình cảm và thích tâm giao với Chúa có bản vị. Luân lý của em cũng là luân lý tình cảm.

4. Đến 8-9 tuổi, khủng hoảng thứ hai

Em bỏ đời sống mộng tưởng bên trong vì em đã nhìn ra thế giới bên ngoài rõ hơn. Em bắt đầu biết lý luận, nên không nhận quyền bính của cha mẹ, người trên. Em mở mắt nhìn đời nhiều hơn, nên tìm bạn hữu ngoài gia đình. Tuổi này là tuổi học thấu tư tưởng và diễn tả ra.

5. Từ 9-12 tuổi, giai đoạn thăng bằng

Các em tìm hiểu ngoại vật trí óc thực tế. Dần dần xóa bỏ trí óc mơ mộng hóa nên lý luận, thích phiêu lưu, thích hoạt động, thích anh hùng. Mọi sự hiểu biết muốn diễn tả bằng trò chơi, ca hát, kịch, thích có bạn để chơi.

Đối với Chúa, bớt nhân cách hóa, bớt trực tiếp hóa vì đã hiểu các nguyên nhân trong vạn vật, nhưng vẫn thích ngắm nhìn Chúa cao cả chủ thể vạn vật. Thích Chúa Giêsu là Thầy sáng suốt, là Vua vinh hiển. Luân lý bắt đầu thành luân lý nguyên tắc và biết sự phải trái, biết chân, thiện, mỹ.

6. Từ 13-14 tuổi, một khủng hoảng trầm trọng

Các em lại trở vào nội giới. Bây giờ đã nhận sự tự do, tự chủ của mình, các em muốn tận hưởng nó. Tuổi dậy thì làm cho các em để ý đến tình yêu, đến sinh lý và đến thú vui thể xác, nên bắt đầu yêu...trai yêu gái, gái thích trai, chưa phải là một tình yêu lựa chọn, chỉ mới là mối tình chung mơ hồ. Gái muốn duyên dáng uyển chuyển để lấy lòng trai, trai thích hùng mạnh để chinh phục gái, nhưng rất ngượng nghịu, vì thân thể chưa điều

hòa, nên hay e thẹn và nhút nhát. Họ thích trò chuyện tâm tình, thích tiểu thuyết tình ái, thích nhạc buồn, thích tất cả những gì gợi tình. Cũng chính vì thể chất bị khủng hoảng mạnh, nên hay đau yếu, nhức đầu, hay thay đổi tâm tình làm cho người ta khó hiểu mình và cũng khó hiểu được chính mình, nên sống rút vào trong.

Do đó, tuổi này vừa rất xa Chúa, vừa rất gần Chúa. Chính vì không hiểu đời và tưởng đời không hiểu mình. Chính sự đòi tự do, tự chủ trong đời sống nội tâm làm cho họ không thích sống với người khác, xa cha mẹ, anh chị, không thích đi chung, đọc kinh chung. Nhưng chỉ thích đi với một người thôi. Nhưng cũng vì đó, họ thích gần Chúa, thích sống thân mật với Chúa, nhất là thích sống với Chúa qua cảnh vật - thích ngồi trầm lặng trên đồi, đứng nhìn nước chảy, ngó vắn vợ, ngồi trong bóng tối nhà thờ để hồn lâng lâng lên Chúa. Chữ tình mới chớm nở, có thể làm ngơ việc giao thân với Chúa, rồi lại có thể giúp họ tìm ra Chúa, vì họ cảm thấy chỉ có tình yêu của Chúa mới chân thật (ơn thiên triệu nảy nở ở tuổi này).

7. Tuổi 14-16: dậy thì

Tuổi này là tuổi *hướng nội*. Đây là giai đoạn tiếp thời để ra khỏi tuổi thiếu nhi và bước sang tuổi thiếu niên. Tuổi này rất *thất thường*, vì những thay đổi của cơ thể và những bất thường về tinh thần làm cho người thiếu niên trở về với chính mình. Họ sống *ngoài thực tại*. Họ dốc lòng nhiều sự, rồi sau cùng họ không nắm giữ được điều nào. Họ muốn sống tự lập, muốn được tự do.

Đối với họ, ý nghĩa Thiên Chúa phù trợ của tuổi nhi đồng phải mất đi và ý nghĩa Thiên Chúa lập pháp của tuổi thiếu nhi cũng giảm nhiều. Họ hướng về Thiên Chúa có tính cách nhân vị. Họ hướng về Thiên Chúa là bạn để giúp họ thực hiện tự do - giúp họ tự do lái con thuyền đời họ. Họ cầu nguyện nhằm mục đích xin ơn (thi đậu. v. v...). Họ chưa ý thức được ý nghĩa của một đạo vô vị lợi.

8. Tuổi 17-18: khủng hoảng thành nhân

Tuổi khủng hoảng *đặt lại vấn đề*. Mọi cái họ cho là chân thật xưa nay, từ tư tưởng, tín ngưỡng, tình yêu, văn hóa... bạn trẻ hoài nghi và muốn đặt lại vấn đề và *tự giải quyết*. Cái gì họ tự cho là hữu lý mới chấp thuận. Vì thế, người ta cho các bạn trẻ là ngang tàng bất kính cổ truyền, bất chấp trật tự; luân lý của các bạn trẻ là luân lý tự lập, cái gì mình cho là đúng thì mình làm theo, không còn sợ sệt một áp lực nào bên ngoài.

Tâm hồn bạn trẻ ước muốn những sự tốt đẹp, thích việc xã hội, chính trị lớn lao, thích tiểu thuyết xã hội tả chân, thích hy sinh hoạt động cho đại nghĩa. Thành thử tâm hồn thanh niên khó hiểu vì phức tạp, vừa nghiêng mình về tình dục, thú vui, vừa say sưa với lý tưởng cao đẹp, vừa đòi tất cả mọi cái phải hợp với lẽ phải, mở miệng ra là lý luận, vừa sống bữa bãi vô kỷ luật. Tuổi 17 là tuổi anh hùng, nhưng còn là “anh hùng rơm”.

Ba, bốn năm sau, cuộc khủng hoảng lắng xuống. Các vấn đề đặt lại càng ngày càng rõ rệt. Đối với tôn giáo, nếu đặt đúng vấn đề, gặp đúng người hướng dẫn,

họ sẽ có một đức tin sáng suốt đi đôi với đời sống tông đồ nhiệt thành, sống đạo hăng hái. Nếu không, bạn trẻ sẽ bỏ Chúa dần dần, trở nên giữ đạo theo cổ truyền vì phải giữ, có khi đi tới chỗ phủ nhận Thiên Chúa.

9. Tuổi bước vào đời 19-21

Đây là lúc bước chân vào cuộc đời làm ăn, tâm hồn thanh niên thay đổi, vừa hẹp, lại vừa rộng ra.

- Hẹp vì không có tính cách “*anh hùng rơm*” nữa, không còn chiến đấu cho cái hay cái đẹp, mà trở nên thực tế hơn: lo cho có bằng cấp, chức vụ, có tiền, lo cho gia đình, người thân, bạn hữu.

- Rộng ra vì đối với vợ con, với công việc mình chọn lựa, lại hy sinh, tận tụy, bỏ mình, quên mình vì phận sự.

Kết luận:

Trẻ em là một sinh vật tự động, tự chủ. Trẻ em là một sinh vật đang tiến triển, đang lớn một cách toàn diện và liên tục. Tâm hồn trẻ em là một thế giới riêng biệt, không giống tâm hồn người lớn.

Trước khi dạy dỗ trẻ, ta cần biết những điểm đại cương về khoa tâm lý nhi đồng. Hãy lợi dụng tâm lý các em để rao truyền Tin mừng cứu độ hợp với trạng thái của mỗi giai đoạn (sự phạm huấn giáo theo lứa tuổi).

TỔ CHỨC LỚP HỌC

I. GIÁO LÝ VIÊN

- Một Giáo lý viên chủ nhiệm.
- Một Giáo lý viên phụ tá: giúp sinh hoạt, phụ trách cơ sở vật chất.

II. HỌC SINH

1. Ban cán sự lớp

a. Ban cán sự lớp gồm: Lớp trưởng, lớp phó, đội trưởng, đội phó.

- Lớp trưởng: Chỉ đạo chung, thực hiện kế hoạch Giáo lý viên giao. Phụ trách đánh giá thi đua các đội theo nội dung thi đua của ban Giáo lý Giáo Xứ, của lớp đề ra.

- Lớp phó: phụ trách kỷ luật, vệ sinh trong lớp học, điếm danh bá cáo cho

b. Giáo lý viên.

- Đội trưởng, đội phó: điều khiển mọi hoạt động của đội.

2. Đội

Chia đội: Chia lớp làm 3 hay 4 đội, tối đa mỗi đội 10 em.

Khi chia đội cần lưu ý:

Địa bàn: Nên chia vào cùng một đội những em sống trong cùng một khu, một xóm gần nhau.

Giới tính: Chia đều nam nữ để bổ túc cho nhau.

Trình độ Giáo lý và văn hoá : Chia đều em giỏi và em kém hơn vào một đội.

Trình độ đạo đức: Chia các em chưa tốt vào các đội và giao cho đội trưởng, đội phó hướng dẫn.

Trong việc học Giáo lý.

- Ở lớp:

* Đội trưởng, đội phó: Giữ gìn trật tự trong đội khi học tập và sinh hoạt.

* Đội trực: Mỗi tuần một đội được phân công trực lớp : Làm vệ sinh, xếp hàng vào lớp, chào Giáo lý viên khi vào lớp và ra về.

- Ở nhà: Đội động viên nhau, nhắc nhở nhau sống điều quyết tâm trong tuần.

- Trong sinh hoạt:

Đội là đơn vị thi đua. Mỗi đội viên phải bảo vệ danh dự cho đội. Về tâm lý, hễ có thi đua thì có khen thưởng, vì thế mỗi lớp nên có cờ thi đua phát cho đội đứng đầu và kèm theo hiện vật: ảnh Chúa, các Thánh, tràng hạt, cây bút, cuốn vở

Để việc thi đua tốt, Giáo lý viên nên soạn nội dung thi đua từng đợt, mỗi đợt có thể là một tháng.

Ví dụ:

-Tháng giêng: không vắng một buổi học nào khi không có lý do chính đáng.

-Tháng hai: Đề ra một nội dung khác: mỗi tuần đi lễ thêm một ngày ngoài ngày Chủ nhật. Nhưng Giáo lý viên lưu ý không bỏ nội dung thi đua tháng trước, vẫn tiếp tục giữ.

Đội trưởng là người chỉ huy các công việc.

3. Sơ đồ lớp học

a. Mỗi lớp phải có một sơ đồ lớp chỉ rõ chỗ ngồi của mỗi học sinh

b. Lợi điểm

- Điểm danh nhanh chóng chính xác.

- Đội nhắc nhở nhau học tập, giữ kỷ luật.

- Giáo lý viên nắm bắt rõ đối tượng: giỏi, khá, trung bình, yếu để có thể đặt câu hỏi phù hợp với mỗi em, dễ để mắt theo dõi những em cá biệt cần giúp đỡ.

III. CÔNG VIỆC CỦA GIÁO LÝ VIÊN CHỦ NHIỆM.

1. Điều tra cơ bản học sinh

a. Khi được giao một lớp Giáo lý, trong buổi học đầu tiên, Giáo lý viên nên xem:

- Sổ điểm, sổ điểm danh, sổ chủ nhiệm của năm cũ.
Sau đó gặp gỡ Giáo lý viên chủ nhiệm của lớp đó năm trước để hỏi về:

- Tình hình làm việc của cán sự lớp.

- Tình hình của các em học sinh: học sinh gương mẫu, những em cá biệt.

- Nhận định chung về ưu khuyết của năm trước.

- Nếu là lớp mới mở, không làm bước (a) nữa, nhưng làm từ bước (b) dưới đây:

b. Trong buổi học đầu tiên, Giáo lý viên nên làm các việc sau đây:

Giới thiệu về mình: họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ.

Cho các em chơi một trò chơi, hát chung một bài hát để gây thiện cảm, tạo một bầu khí vui tươi giữa Giáo lý viên và học sinh.

Tạm giữ cơ cấu năm trước nếu là lớp cũ. Nếu là lớp mới mở, Giáo lý viên dự kiến tạm, và tổ chức lớp sau.

Giáo lý viên hướng dẫn một số nền nếp lớp học mà học sinh cần tuân thủ, có thể thực tập ngay.

Làm sẵn phiếu điều tra cơ bản và phát cho các em làm: Lý lịch, văn hoá, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống...

2. Soạn kế hoạch chủ nhiệm

a. Ban Giáo lý giáo xứ chắc chắn sẽ có kế hoạch chung, nhưng Giáo lý viên cũng phải có kế hoạch riêng phù hợp với lớp học của mình.

b. Khi có kế hoạch chủ nhiệm thì chỉ nhỏ vấn đề để đưa vào áp dụng từng tuần, đan xen với kế hoạch của ban Giáo lý giáo xứ. Có làm như thế, ta mới đáp ứng được cái chung và giải quyết được cái riêng của lớp.

3. Triển khai kế hoạch vào sinh hoạt hàng tuần, hàng tháng, hàng quý

a. Họp ban cán sự lớp:

- Đối tượng: Trưởng lớp, phó lớp, đội trưởng, đội phó.

- Thời gian họp: Khoảng 10 đến 15 phút sau mỗi buổi học.

- Nội dung buổi họp: Rút kinh nghiệm, phổ biến kế hoạch tuần tới, tháng tới, học kỳ tới.

- Mục đích:

* Thu nhận thông tin về kết quả giáo dục và nắm bắt vấn đề mới nảy sinh để đưa vào kế hoạch trong thời gian tới.

* Đánh giá thi đua và việc thực hiện kế hoạch tuần, tháng qua.

* Báo cáo tình hình lớp, đội cho Giáo lý viên.

* Phổ biến kế hoạch tuần tới, tháng tới và phân công cụ thể.

* Giải đáp các vấn đề do ban cán sự lớp yêu cầu.

b. Huấn luyện ban cán sự lớp:

Các em là nhân tố nòng cốt của lớp học, nên Giáo lý viên phải:

- Chú ý nâng cao trình độ Giáo lý của các em.
- Hướng dẫn các em nắm vững nội dung công việc, phương pháp áp dụng.
- Đào tạo các em có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có óc sáng tạo để làm nhanh công việc và đạt hiệu quả cao.
- Nên tới nhà các em thăm hỏi và động viên các em.

4. Gặp gỡ cha mẹ học sinh

Để việc học Giáo lý và sống đạo của các em có kết quả tốt, Giáo lý viên nên gặp gỡ, liên lạc với cha mẹ của các em học sinh qua các cách thế sau đây :

a. Làm phiếu liên lạc báo điểm và nhận xét hàng tháng cho các phụ huynh biết.

b. Liên lạc với phụ huynh của các em có vấn đề để kết hợp giáo dục.

PHƯƠNG PHÁP DỰ GIỜ VÀ ĐÁNH GIÁ MỘT TIẾT DẠY GIÁO LÝ

I. MỤC ĐÍCH

1. Đối với những người phụ trách Giáo lý giáo xứ

Tổng hợp cái hay, cái sáng tạo của các Giáo lý viên để phổ biến cho tập thể Giáo lý viên. Thấy được cái yếu, khuyết điểm chung của các Giáo lý viên, những người phụ trách Giáo lý giáo xứ sẽ hướng dẫn, sửa chữa, tổ chức chuyên đề để khắc phục.

2. Đối với Giáo lý viên phụ trách tiết dạy Giáo lý

Bồi dưỡng tay nghề.

3. Đối với Giáo lý viên dự giờ

Học hỏi những cái hay, cái sáng tạo, phương pháp của bạn, tránh được những thiếu sót trong tiết dạy, nhờ đó dạy tốt hơn các tiết dạy của mình.

II. CÁC LOẠI TIẾT DỰ GIỜ

1. Tiết dự giờ minh họa

- Trong các khoá huấn luyện Giáo lý viên : Sau khi đã học lý thuyết, nên có một tiết dạy Giáo lý minh họa để áp dụng những điều đã học. Vì thế tiết dạy Giáo

lý này phải được soạn thảo kỹ lưỡng, có đầu tư, có suy nghĩ kỹ hơn từ nội dung, phương pháp đến đồ dùng dạy học.

- Trong giáo xứ : Tỉnh trưởng nên tổ chức một tiết Giáo lý minh họa nhằm điều chỉnh, sưởi ấm, nâng cao phương pháp giảng dạy cho Giáo lý viên và việc học hỏi tích cực của học sinh.

Vì thế, Giáo lý viên đứng lớp minh họa này phải chuẩn bị tiết dạy thật chu đáo từ nội dung, phương pháp tới đồ dùng dạy học và chuẩn bị cho học sinh lớp của mình phương cách tham gia học hỏi cách tích cực như hăng hái tham gia phát biểu ý kiến – thảo luận sôi nổi – nghiêm trang trong câu nguyện – nghiêm túc khi làm bài tập – hết mình trong sinh hoạt

2. Tiết dự giờ đột xuất

Kết quả mà các học sinh học hỏi được ở Giáo lý là trong giờ Giáo lý hàng tuần. Giáo lý viên dạy với sự chuẩn bị bình thường, theo hoàn cảnh, thời gian và khả năng tiềm tàng mình có. Đó mới là thực chất giảng dạy của Giáo lý viên. Vì thế các ban điều hành Giáo lý cần chú ý đến việc dự giờ đột xuất để giúp giáo lý viên điều chỉnh cách giảng dạy cho phù hợp với hoàn cảnh và người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lm. NGUYỄN VĂN TUYÊ. *Sư phạm giáo lý*, Nxb. Thành phố HCM. 1999
2. GIUSE TRẦN VINH HÀ, OP, *Sư phạm giáo lý*, Lưu hành nội bộ, Hè 2000.
3. *Sư phạm giáo lý*, Giáo phận Tp. HCM. Tài liệu huấn luyện Giáo lý viên.
4. Lm. Fx. VIỆT, *Sư phạm giáo lý*. ĐCV. Thánh Quý Cần Thơ, 2001.
5. TGM. NHA TRANG, *Để dạy giáo lý hữu hiệu hơn*, Nxb. Thuận Hoá, 1999.
6. Lm. QUANG UY. DCCT, *Một vài gợi ý về việc dạy giáo lý*, www.Vietcatholic.org.tw
7. TGM. XUÂN LỘC, *Hồng ân huấn giáo*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội 2005.